

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Số: 4010/TTr-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Trị, ngày 25 tháng 11 năm 2013

TỜ TRÌNH

**V/v thông qua Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư
xây dựng cơ bản năm 2013 và Kế hoạch sử dụng nguồn vốn
ngân sách do tỉnh quản lý năm 2014**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa VI, kỳ họp thứ 10

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Thực hiện nội dung kỳ họp thứ 10 - Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa VI;

Trên cơ sở đánh giá tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch phân bổ vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2013, UBND tỉnh đã xây dựng hoàn thành Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2013 và Kế hoạch sử dụng nguồn vốn ngân sách do tỉnh quản lý năm 2014 (sao gửi kèm).

UBND tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa VI, kỳ họp thứ 10 xem xét, thông qua./. *Đns*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT;
- CVP, các PVP;
- Lưu: VT, CN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Cường
Nguyễn Đức Cường

Số: **235**/BC-UBND

Quảng Trị, ngày **25** tháng 11 năm 2013

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư XDCB năm 2013
và Kế hoạch sử dụng nguồn vốn ngân sách do tỉnh quản lý năm 2014**

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XDCB NĂM 2013

I. Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư XDCB năm 2013

Kế hoạch đầu tư XDCB năm 2013 của tỉnh được thực hiện trong bối cảnh rất khó khăn về nguồn vốn; Chính phủ tiếp tục thực hiện chủ trương thắt chặt đầu tư công thông qua việc triển khai đồng bộ các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý đầu tư và xử lý nợ đọng XDCB từ nguồn NSNN và TPCP. Cơ chế quản lý, điều hành mới đã tạo ra nhiều chuyển biến mạnh mẽ, sâu sắc và phát huy hiệu quả rõ rệt trong lĩnh vực đầu tư công. Song cũng đã tạo ra nhiều hệ lụy, nhiều công trình phải đình hoãn, tạm ngừng thi công, hoặc điều chỉnh giảm tổng mức đầu tư, giãn tiến độ... do gặp khó khăn về nguồn vốn. Đây cũng là một trong những nguyên nhân góp phần làm cho hoạt động sản xuất kinh doanh của một số doanh nghiệp bị đình trệ, cân đối thu chi ngân sách căng thẳng... làm ảnh hưởng đến mục tiêu tăng trưởng kinh tế và khả năng huy động các nguồn vốn đầu tư. Nhưng với sự tập trung chỉ đạo, điều hành quyết liệt, hiệu quả của UBND tỉnh, sự nỗ lực của các cấp, các ngành, sự quan tâm hỗ trợ giúp đỡ của Trung ương nên tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển năm 2013 của tỉnh đã có nhiều chuyển biến tích cực, rõ rệt.

1. Về giao kế hoạch vốn đầu tư năm 2013:

- Đối với nguồn vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu:

Được sự ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ, ngày 20/12/2012, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có Quyết định số 1756/QĐ-BKHĐT giao chỉ tiết kế hoạch đầu tư phát triển nguồn NSNN năm 2013. Trên cơ sở đó, UBND tỉnh đã tiến hành phân bổ tại Quyết định số 04/2013/QĐ-UBND ngày 29/01/2013 và đã báo cáo rất cụ thể về việc bố trí nguồn vốn này tại kỳ họp thứ 7 HĐND tỉnh khóa VI.

- Đối với nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương:

Sau khi được Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao kế hoạch vốn, UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh khóa VI, kỳ họp thứ 6 thông qua Nghị quyết số 23/2012/NQ-HĐND ngày 19/12/2012 về kế hoạch phân bổ vốn đầu tư xây dựng cơ bản sử dụng nguồn vốn ngân sách do tỉnh quản lý năm 2013. Trên cơ sở đó, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 20/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 phân bổ và giao vốn cho từng danh mục dự án cụ thể.

Quá trình phân bổ và giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2013 tiếp tục gắn liền với quá trình rà soát, phân loại, xử lý các dự án cụ thể theo đúng tinh thần các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý đầu tư và xử lý nợ đọng XDCB. So với thời điểm trước khi có Chỉ thị số 1792/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ (năm 2011), từ năm 2012 trở lại đây, kế hoạch vốn đầu tư đã được UBND tỉnh bố trí tập trung hơn nên tình trạng đầu tư dàn trải đã từng bước được khắc phục, hầu hết các công trình bố trí vốn thực hiện đều đảm bảo có nguồn vốn bố trí theo kế hoạch. Ưu tiên tập trung vốn cho các dự án đã hoàn thành, dự kiến hoàn thành trong năm kế hoạch và các dự án chuyển tiếp, hạn chế tối đa các dự án khởi công mới¹.

Việc xử lý vấn đề nợ đọng XDCB được tỉnh đặc biệt quan tâm, chú trọng; trong kế hoạch vốn năm 2013 tỉnh đã tập trung xử lý 32,66/113,878 tỷ đồng nợ đọng XDCB, đạt 29% tổng nợ đọng XDCB của tỉnh đến 30/6/2012.

2. Về tổng vốn kế hoạch đầu tư năm 2013:

- Tổng số vốn kế hoạch được giao đầu năm 2013 là **1.634,201 tỷ đồng**, trong đó: nguồn vốn ngân sách địa phương: 297,9 tỷ đồng; nguồn vốn NSTW hỗ trợ: 673,059 tỷ đồng; nguồn vốn các CTMT Quốc gia: 224,535 tỷ đồng; nguồn vốn TPCP: 271,707 tỷ đồng; nguồn vốn nước ngoài (ODA): 167 tỷ đồng.

- Đến nay, tổng vốn ĐTPT từ ngân sách do địa phương quản lý là **1.957,274 tỷ đồng** (bao gồm 40 tỷ đồng nguồn vốn NSTW hỗ trợ để khắc phục hậu quả cơn bão số 10 và 11 gây ra), tăng 323,073 tỷ đồng (19,7%) so với tổng vốn được giao đầu năm nhưng mới chỉ bằng 90,4% kế hoạch vốn của cùng kỳ năm 2012 (là 2.164,122 tỷ đồng).

3. Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư XDCB năm 2013:

UBND tỉnh đã tiếp tục quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, các văn bản hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính về tăng cường quản lý đầu tư từ NSNN và TPCP, từng bước lập lại kỷ cương và nâng cao chất lượng, hiệu quả trong đầu tư công. Tập trung chỉ đạo triển khai đồng bộ, quyết liệt và có hiệu quả các biện pháp điều hành XDCB đã nêu trong Nghị quyết số 23/2012/NQ-HĐND ngày 19/12/2012. Nhờ vậy, tiến độ thực hiện và giải ngân các nguồn vốn kế hoạch năm 2013 có nhiều tiến bộ.

¹ Cụ thể:

+ *Đối với nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương:* Kế hoạch đầu tư năm 2013, có 60 dự án được bố trí vốn thực hiện, bình quân bố trí 2,36 tỷ đồng/dự án (so với KH 2011 giảm 04 dự án và tăng 0,4 tỷ đồng/dự án), trong đó: có 06 dự án khởi công mới với số vốn phân bổ 9,087 tỷ đồng (so với KH 2011 giảm 11 dự án và giảm 9,213 tỷ đồng số vốn bố trí); có 31 dự án hoàn thành trong năm với số vốn phân bổ 41,392 tỷ đồng, trong đó có 13 dự án hoàn thành các năm trước với số vốn phân bổ 16,19 tỷ đồng (so với KH 2011 tăng 07 dự án và tăng 11,682 tỷ đồng số vốn bố trí); có 23 dự án chuyển tiếp với số vốn phân bổ 90,815 tỷ đồng (so với KH 2011, bằng số dự án và tăng 13,115 tỷ đồng số vốn bố trí).

+ *Đối với nguồn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu:* Kế hoạch đầu tư năm 2013 có 146 dự án được bố trí vốn thực hiện, bình quân bố trí 4,61 tỷ đồng/dự án (so với KH 2011 giảm 98 dự án và tăng 0,23 tỷ đồng/dự án), trong đó: có 43 dự án khởi công mới với số vốn phân bổ 144,14 tỷ đồng (so với KH 2011 giảm 75 dự án và giảm 318,986 tỷ đồng số vốn bố trí); có 44 dự án hoàn thành trong năm với số vốn phân bổ 98,885 tỷ đồng; có 59 dự án chuyển tiếp với số vốn phân bổ 430,034 tỷ đồng (so với KH 2011 bằng số dự án).

Tổng hợp từ số liệu báo cáo của Kho bạc Nhà nước tỉnh, tính đến ngày 31/10/2013, tổng giá trị giải ngân các nguồn vốn thực hiện **1.476,3 tỷ đồng, đạt 76,77% KH** (cùng kỳ năm 2012 đạt 64,46%). Trong đó:

- Nguồn vốn đầu tư trong cân đối giải ngân được 261,49 tỷ đồng, đạt 78,25%;

- Nguồn vốn ngân sách TW hỗ trợ có mục tiêu giải ngân được 514,287 tỷ đồng, đạt 73,15% (cùng kỳ đạt 67,94%);

- Nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giải ngân được 151,808 tỷ đồng, đạt 67,61% (cùng kỳ đạt 34,38%);

- Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ giải ngân được 185,983 tỷ đồng, đạt 68,45% (cùng kỳ đạt 31,02%);

- Nguồn vốn nước ngoài (ODA) giải ngân được 216,729 tỷ đồng, đạt 129,778%;

- Các nguồn vốn khác giải ngân được 106,797 tỷ đồng, đạt 50,71% (cùng kỳ đạt 61,42%).

Trong đó có một số nguồn vốn giao muợn như: Chương trình phát triển rừng, An toàn hồ chứa, Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững 30a... Các công trình này được phép giải ngân đến ngày 31/3, 30/6/2014. Qua cân đối, và rà soát về tiến độ thực hiện, dự báo sẽ giải ngân hết 100% số vốn đã bố trí kế hoạch năm 2013.

4. Tình hình thực hiện các công trình trọng điểm của tỉnh:

- *Dự án Quảng trường và Nhà văn hóa trung tâm tỉnh*: Có tổng mức đầu tư 210 tỷ đồng; đến nay, đã được bố trí 179,145 tỷ đồng từ nguồn vốn Trung ương hỗ trợ đầu tư các dự án cấp bách theo ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Đảng và Nhà nước, bằng 85,3% tổng mức đầu tư; trong đó kế hoạch năm 2013 đã bố trí 17 tỷ đồng, đến 31/10/2013 giải ngân 16,928 tỷ đồng, đạt 99,58% KH.

- *Dự án Bảo tồn, tôn tạo di tích Thành Cổ Quảng Trị giai đoạn 2 (bao gồm tiểu dự án nhóm 4: Nâng cấp Đài tưởng niệm trung tâm)*: Có tổng mức đầu tư 244 tỷ đồng; đến nay, đã được bố trí 185,022 tỷ đồng từ nguồn Trung ương hỗ trợ đầu tư các dự án cấp bách theo ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Đảng và Nhà nước, bằng 75,82% tổng mức đầu tư; trong đó kế hoạch năm 2013 bố trí 15 tỷ đồng, đến 31/10/2013 giải ngân 7.778 tỷ đồng, đạt 51,85% KH.

- *Dự án Cầu sông Hiếu và đường 2 đầu cầu*: Có tổng mức đầu tư 588,796 tỷ đồng, đang rà soát điều chỉnh giảm còn 552,915 tỷ đồng. Đến nay, dự án đã được bố trí 128,64 tỷ đồng từ nguồn Trung ương hỗ trợ đầu tư các dự án cấp bách theo ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Đảng và Nhà nước, bằng 21,85% tổng mức đầu tư; trong đó kế hoạch năm 2013 bố trí 10 tỷ đồng, đến 31/10/2013 giải ngân 10 tỷ đồng, đạt 100% KH.

- *Dự án Đường cơ động ven biển Hải An - Hải Khê*: Có tổng mức đầu tư 128,496 tỷ đồng; đến nay, đã được bố trí 66,5 tỷ đồng từ nguồn Trung ương hỗ trợ đầu tư các dự án cấp bách theo ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Đảng và Nhà

nước, bằng 51,75% tổng mức đầu tư; trong đó kế hoạch năm 2013 bố trí 15 tỷ đồng, đến 31/10/2013 giải ngân 9,808 tỷ đồng, đạt 65,39% KII.

- *Dự án Kè chống xói lở bảo vệ đèo Cồn Cỏ kết hợp phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng an ninh*: Có tổng mức đầu tư 247,874 tỷ đồng; đến nay, đã được bố trí 72 tỷ đồng từ nguồn vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu Chương trình Biên Đông - Hải đảo, bằng 29,05% tổng mức đầu tư; trong đó kế hoạch năm 2013 bố trí 52 tỷ đồng, đến 31/10/2013 giải ngân 50,564 tỷ đồng, đạt 97,24% KH.

- *Dự án Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Trị*: Có tổng mức đầu tư 490.053 tỷ đồng; đến nay, đã được bố trí 337 tỷ đồng từ nguồn vốn Trái phiếu Chính phủ, bằng 68,77% tổng mức đầu tư; trong đó kế hoạch năm 2013 bố trí 80 tỷ đồng, đến 31/10/2013 giải ngân 70,955 tỷ đồng, đạt 88,69% KH.

5. Một số kết quả đạt được trong công tác chỉ đạo, điều hành XDCB năm 2013:

- Công tác quản lý đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước và trái phiếu Chính phủ được tăng cường, trong đó đã tập trung vào các nhiệm vụ chủ yếu như: Kiểm soát chặt chẽ quy mô hạng mục và tổng mức đầu tư của từng dự án nhằm đảm bảo khả năng cân đối, bố trí vốn thực hiện hoàn thành đúng thời gian quy định. Điều chỉnh lại quy mô và giải pháp kỹ thuật của từng dự án, phân kỳ đầu tư phù hợp với hạn mức vốn dự kiến cân đối giai đoạn 2011-2015 nhằm đảm bảo hiệu quả đầu tư. Ưu tiên thực hiện hoàn thành những hạng mục thực sự cấp thiết phục vụ mục tiêu chính của dự án; các hạng mục còn lại giãn tiến độ để lại đầu tư sau năm 2015. Triển khai thực hiện trong kế hoạch vốn đã được bố trí, không buộc nhà thầu ứng trước vốn để thi công nhằm hạn chế tối đa việc làm phát sinh thêm nợ đọng XDCB.

Từ năm 2012 đến nay, tỉnh đã tổ chức thực hiện rà soát, điều chỉnh phân kỳ đầu tư của 31 dự án với tổng mức đầu tư trước rà soát 4.877 tỷ đồng, sau rà soát, tổng mức đầu tư còn lại 3.193 tỷ đồng, giảm 1.684 tỷ đồng; trong đó, riêng năm 2013, đã rà soát, điều chỉnh, phân kỳ đầu tư 10 dự án với tổng mức đầu tư trước rà soát 1.421 tỷ đồng, sau rà soát, tổng mức đầu tư còn lại 841 tỷ đồng, giảm 580 tỷ đồng.

- Công tác lập, thẩm định, phê duyệt dự án, phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán được quan tâm thực hiện theo hướng kiểm soát chặt chẽ phạm vi, quy mô của từng dự án theo đúng mục tiêu, lĩnh vực, chương trình đã được phê duyệt; chỉ thẩm định và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư khi có ý kiến thẩm định nguồn vốn của Bộ KH&ĐT, Bộ Tài chính đối với dự án sử dụng vốn NSTW theo đúng mức vốn đã thẩm định và cân đối ngân sách tỉnh hoặc ngân sách huyện đối ứng cho dự án; nâng cao trách nhiệm của các ngành và chủ đầu tư trong công tác thẩm định và phê duyệt theo thẩm quyền và rút ngắn thời gian thẩm định.

- Tỷ lệ giải ngân các nguồn vốn kế hoạch năm 2013 đạt cao so với cùng kỳ năm 2012 chủ yếu là do:

+ Hầu hết các nguồn vốn đầu tư XDGB kế hoạch năm 2013 đã được Trung ương và tỉnh giao sớm ngay từ đầu năm, tạo điều kiện cho các chủ đầu tư chủ động triển khai thực hiện các công trình, dự án được bố trí vốn kế hoạch năm 2013 theo đúng tiến độ; vừa góp phần thiết thực tháo gỡ khó khăn cho nhiều doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng vừa góp phần vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

+ Tỷ lệ vốn bố trí trả nợ XDGB và cho các công trình chuyển tiếp được ưu tiên; vốn bố trí cho các công trình khởi công mới hạn chế.

+ Trong quá trình điều hành kế hoạch đầu tư XDGB, UBND tỉnh đã chấp hành đúng các quy định của Chính phủ và Nghị quyết của HĐND tỉnh. Việc điều chỉnh kế hoạch, tạm ứng vốn... đều báo cáo xin ý kiến và được Thường trực HĐND tỉnh thông qua, bảo đảm đúng nguyên tắc, tạo sự đồng thuận, thống nhất cao trong chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện.

+ Bên cạnh việc chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm túc các biện pháp điều hành XDGB đã nêu trong Nghị quyết số 23/2012/NQ-HĐND ngày 19/12/2012 của HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã chỉ đạo duy trì thường xuyên chế độ giao ban XDGB hàng quý; xử lý kịp thời các khó khăn, vướng mắc của các chủ đầu tư, nhất là trong công tác giải phóng mặt bằng; thường xuyên đôn đốc, kiểm tra để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình, dự án đã được bố trí vốn; làm việc với lãnh đạo Chính phủ và các Bộ, Ngành Trung ương có liên quan để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của một số công trình, dự án trên địa bàn tỉnh. Quản lý chặt chẽ việc sử dụng nguồn vốn dự phòng cũng như việc điều chỉnh tổng mức đầu tư của các dự án; tiếp tục rà soát, cắt giảm, giãn tiến độ, thực hiện phân kỳ đầu tư đối với một số công trình, dự án có quy mô vốn lớn...

- Nợ đọng XDGB đã được kiểm soát chặt chẽ, kế hoạch phân bổ vốn hàng năm được tỉnh ưu tiên để bố trí xử lý nợ đọng XDGB đảm bảo giải quyết khối lượng nợ đọng XDGB theo quy định tại Chỉ thị 27/CT-TTg ngày 10/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ. Lũy kế đến ngày 31/12/2013 đã bố trí xử lý nợ đọng XDGB 59,339 tỷ đồng/117,240 tỷ đồng, đạt 50,6% tổng số nợ đọng XDGB.

- Trong điều kiện nguồn vốn đầu tư từ NSNN giảm mạnh, UBND tỉnh đã chỉ đạo triển khai thực hiện nhiều giải pháp về huy động vốn để giải quyết khó khăn về nguồn vốn cho tỉnh như: Tập trung đẩy mạnh hoạt động thu hút nguồn vốn ODA và đã đạt được những kết quả rất khả quan; Tích cực vận động các dự án đầu tư theo hình thức hợp tác công - tư (PPP); Mạnh dạn thực hiện chủ trương xã hội hóa trong việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, tạo quỹ đất để hoàn trả vốn huy động của doanh nghiệp; chủ động lồng ghép để nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn đầu tư kết cấu hạ tầng các khu đô thị, khu tái định cư do Trung tâm phát triển quỹ đất của tỉnh làm chủ đầu tư. Tích cực tranh thủ sự ủng hộ của TW để xin ứng trước nguồn vốn kế hoạch năm 2014 cho một số công trình quan trọng của tỉnh; đã vay 130 tỷ đồng (đợt 1) và 20 tỷ đồng (đợt 2) từ nguồn vốn tín dụng ưu đãi đầu tư phát triển của Nhà nước theo tinh thần Nghị quyết 02/NQ-CP của Chính phủ... để bố trí cho các công trình cấp bách đang thi công dở dang nhưng thiếu vốn; Cho tạm ứng từ ngân sách tỉnh để tranh thủ thời tiết thuận lợi, đẩy nhanh tiến độ thực hiện một số hạng mục quan trọng, cấp bách của Dự án cầu sông Hiếu và đường hai đầu cầu; Tranh thủ

sự ủng hộ của TW để bổ sung danh mục và xin sử dụng tổng mức đầu tư ban đầu đối với các công trình, dự án sử dụng nguồn vốn trái phiếu Chính phủ; Kịp thời trình xin ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Thường trực HĐND tỉnh để điều chỉnh các nguồn vốn NSNN thuộc kế hoạch năm 2013...

5. Một số khó khăn, tồn tại, hạn chế:

- Do nguồn vốn kế hoạch năm 2013 bị sụt giảm so với năm 2012 cùng với việc thực hiện quy định *“tạm ứng không được vượt quá 30% kế hoạch vốn và không được thực hiện khối lượng vượt quá kế hoạch vốn đã bố trí”* theo Chỉ thị số 1792/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ đã làm giảm khối lượng thực hiện vượt kế hoạch và giảm tạm ứng vốn kế hoạch. Bên cạnh đó, nhiều doanh nghiệp xây dựng gặp khó khăn trong huy động vốn để thi công các dự án, đặc biệt là không có khả năng tiếp cận vay vốn ngân hàng đã dẫn đến việc thi công một số dự án chậm trễ làm chậm tiến độ so với kế hoạch đề ra.

- Công tác lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng chưa được các chủ đầu tư quan tâm đúng mức, có những dự án hoàn thành từ lâu nhưng đến nay vẫn chưa được các chủ đầu tư lập và gửi báo cáo quyết toán đến cơ quan thẩm tra quyết toán. Một số công trình, dự án do không kịp thời đề xuất bố trí theo niên hạn quy định nên đề nghị mức vốn quyết toán cho công trình quá cao, vượt quá khả năng cân đối của tỉnh, nhất là các công trình sử dụng nguồn vốn TW.

- Qua kiểm tra công tác quản lý đầu tư và đấu thầu tại 5 đơn vị, địa phương² đã phát hiện một số tồn tại, hạn chế như: Việc lập và thẩm định kế hoạch đấu thầu chưa tuân thủ theo đúng nội dung và biểu mẫu quy định tại Luật Đấu thầu, Nghị định số 85/NĐ-CP và Thông tư số 02/2009/TT-BKH ngày 17/2/2009 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Kế hoạch đấu thầu cho gói thầu tư vấn khảo sát, lập dự án chưa được Chủ đầu tư phê duyệt theo quy định tại Nghị định số 85/NĐ-CP. Kế hoạch đấu thầu một số dự án chưa được Chủ đầu tư đăng tải trên Báo đấu thầu theo quy định của Luật Đấu thầu, Nghị định số 85/NĐ-CP và Thông tư liên tịch số 20/2010/TTLT-BKH-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính. Văn bản thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu chưa thực hiện theo đúng nội dung và biểu mẫu quy định tại Thông tư số 21/2010/TT-BKH ngày 28/10/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Về quản lý, vận động và tổ chức thực hiện nguồn vốn ODA: Mặc dù tỉnh đã tổ chức tập huấn, hướng dẫn nhiều lần nhưng nội dung và hình thức của một số Đề cương chi tiết vận động vốn ODA do một số Chủ đầu tư chuẩn bị chưa đảm bảo chất lượng theo yêu cầu; chưa đảm bảo theo quy định tại Nghị định 38/2013/NĐ-CP ngày 23/4/2013 của Chính phủ về quản lý và sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ. Một số Sở, Ban ngành, địa phương thực hiện công tác vận động dự án ODA không đúng quy trình, không thông qua đơn vị đầu mối là Sở Kế hoạch và Đầu

² BQL Dự án ĐT&XD Sở Giáo dục - Đào tạo, BQL Dự án Chương trình phát triển nuôi trồng thủy sản, UBND huyện Hướng Hóa, BQL Dự án Chương trình phát triển giao thông nông thôn huyện Vĩnh Linh, BQL Dự án Đầu tư và XD huyện Vĩnh Linh.

tur theo như quy định của Chính phủ. Vì vậy, cơ quan đầu mối về ODA của tỉnh không nắm đầy đủ thông tin để giải trình theo yêu cầu của các Bộ, Ngành TW; tạo ra sự chông chéo và không sắp xếp được theo thứ tự ưu tiên trong việc vận động các dự án³.

Vốn đối ứng cho một số dự án ODA do Bộ, ngành Trung ương làm chủ quản đầu tư có các hợp phần được thực hiện trên địa bàn tỉnh⁴ được cân đối trực tiếp cho các Bộ chủ quản đầu tư, không bố trí trực tiếp cho địa phương nhưng các chủ đầu tư chưa tích cực làm việc với các Bộ chủ quản để được cân đối lại vốn đối ứng như *Dự án Hỗ trợ y tế Bắc Trung bộ*, *Dự án Phòng chống bệnh truyền nhiễm tiểu vùng sông Mê Kông (Sở Y tế)*. Trong khi đó, ngân sách tỉnh quá hạn hẹp nên việc bố trí vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh cho một số dự án chưa đủ để đảm bảo hoạt động và còn thiếu kịp thời dẫn tới việc thực hiện các hoạt động của một số dự án gặp rất nhiều khó khăn.

- Theo quy định của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 60/2010/QĐ-TTg ngày 30/9/2010 về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2011-2015, đối với nhiều dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ của TW, tùy theo tính chất từng nguồn vốn, ngân sách tỉnh phải đối ứng một phần để đảm bảo hoàn thành dự án đưa vào sử dụng. Tuy nhiên, do tình hình ngân sách của tỉnh gặp nhiều khó khăn nên đến nay, có một số dự án mặc dù đã được TW bố trí vốn đầu tư nhưng ngân sách tỉnh không có khả năng đối ứng để đẩy nhanh tiến độ, sớm đưa công trình vào sử dụng nên trong tổ chức thực hiện gặp nhiều khó khăn.

- Trong bối cảnh Chính phủ thực hiện chủ trương thắt chặt đầu tư công, công tác quản lý đầu tư XDCB có nhiều thay đổi, phải thực hiện nhiều thủ tục, bị ràng buộc bởi nhiều quy định khác nhau nên khó khăn, lúng túng trong cân đối, bố trí vốn cho các dự án bảo đảm thời hạn và tỷ lệ bố trí vốn theo quy định⁵. Mặt khác, tỉnh phần lớn phụ thuộc vào Trung ương từ khâu thẩm định nguồn vốn, giao kế hoạch, điều chỉnh kế hoạch, thực hiện và thanh toán vốn nên việc cân đối, phân bổ, quản lý, điều hành có phần bị động.

- Do khó khăn về nguồn vốn nên quá trình triển khai thực hiện đầu tư gặp rất nhiều khó khăn, nguồn vốn bố trí không đáp ứng tiến độ thi công dẫn đến tình trạng mất cân đối giữa nhu cầu và khả năng; Công tác đền bù, giải phóng mặt bằng chưa được các cấp chính quyền địa phương quan tâm, chỉ đạo thực hiện quyết liệt, dẫn đến một số dự án thi công chậm tiến độ làm ảnh hưởng đến

³ Cụ thể như: Dự án Nâng cấp, sửa chữa đường nội quốc lộ 1A đến Nghĩa trang liệt sỹ quốc gia Trường Sơn, huyện Gio Linh vận động vốn JICA (UBND huyện Gio Linh làm Chủ đầu tư); Dự án Đầu tư mua sắm trang thiết bị y tế Bệnh viện đa khoa Quảng Trị vận động vốn ODA của Chính phủ Áo và Dự án Nâng cao năng lực phòng chống HIV/AIDS khu vực tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng vận động vốn ODA của ADB (Sở Y tế làm Chủ đầu tư); Chương trình Phát triển giao dực phổ thông giai đoạn II vận động vốn ODA của ADB (Sở GD&ĐT làm Chủ đầu tư); Dự án REED- do WB tài trợ (Sở NN&PTNT làm Chủ đầu tư).

⁴ Như: Dự án Phát triển y tế Bắc Trung Bộ; Dự án Hỗ trợ phát triển y tế dự phòng tỉnh Quảng Trị; Dự án Phòng chống bệnh truyền nhiễm tiểu vùng sông Mê Kông - Giai đoạn II...

⁵ Chỉ thị 1792/CT-TTg quy định: Việc bố trí vốn cho dự án mới phải bảo đảm tổng số vốn bố trí cho từng dự án tối thiểu bằng 15% đối với dự án nhóm A; 20% đối với dự án nhóm B; 35% đối với dự án nhóm C so với tổng vốn đầu tư được duyệt; dự án nhóm B phải hoàn thành trong 5 năm, dự án nhóm C phải hoàn thành trong 3 năm.

chất lượng, hiệu quả đầu tư cũng như ảnh hưởng đến môi trường gây bức xúc trong dư luận...

Phần thứ hai

NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH DO TÌNH QUẢN LÝ NĂM 2014

Năm 2014 là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với việc thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Tỉnh Đảng bộ lần thứ XV và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015 của tỉnh. Tuy nhiên, theo nhiều dự báo, đây cũng là năm tình hình kinh tế đất nước tiếp tục có nhiều khó khăn; nguồn vốn đầu tư từ Ngân sách Nhà nước giảm mạnh so với kế hoạch năm 2013; nguồn vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí Trung ương giao cho tỉnh không đáp ứng được nhu cầu phát triển của tỉnh. Vì vậy, cần phải có sự nỗ lực rất lớn của các cấp, các ngành trong việc huy động, lồng ghép nhiều nguồn vốn, quản lý chặt chẽ và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.

1. Nguồn vốn Trung ương hỗ trợ năm 2014

Ngày 29/10/2013, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có Văn bản số 8568/BKHĐT-TH về việc thông báo dự kiến kế hoạch đầu tư nguồn NSNN năm 2014. Theo đó: Tổng nguồn vốn TW hỗ trợ kế hoạch năm 2014 của tỉnh ta là: **733,22 tỷ đồng, giảm 52 tỷ đồng (6,6%) so với kế hoạch năm 2013**. Trong đó:

1. Nguồn vốn TW hỗ trợ có mục tiêu: 641,5 tỷ đồng, giảm 31,559 tỷ đồng (4,7%) so với kế hoạch năm 2013⁶.

2. Nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia (chỉ tính phần đầu tư phát triển): là 91,72 tỷ đồng, giảm 20,443 tỷ đồng (18,23%) so với 2013⁷.

Thực hiện Văn bản số 8568/BKHĐT-TH ngày 29/10/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; hiện nay UBND tỉnh đang giao Sở Kế hoạch và Đầu tư dự kiến

⁶ Trong đó:

- Một số chương trình giảm vốn mạnh so với kế hoạch năm 2013 là: Chương trình Biển Đông - Hải đảo giảm 52 tỷ đồng; Nung cấp, xây dựng mới hồ chứa nước ngọt trên đảo giảm 16,417 tỷ đồng; Hạ tầng khu công nghiệp giảm 15 tỷ đồng; Khắc phục hậu quả bom mìn giảm 7,06 tỷ đồng; Các dự án cấp bách khác của địa phương theo các quyết định của lãnh đạo Đảng và Nhà nước giảm 7,5 tỷ đồng.

- Một số Chương trình tăng vốn so với năm 2013 là: Chương trình phát triển KT-XH vùng (Nghị quyết 39): tăng 55 tỷ đồng, trong đó bố trí cho DA Cầu sông Hiếu 50 tỷ đồng; Hỗ trợ các tỉnh thiệt hại bão lũ miền Trung tăng 30 tỷ đồng (năm 2013 TW không hỗ trợ); Hỗ trợ đầu tư hạ tầng Khu kinh tế cửa khẩu tăng 24 tỷ đồng; Chương trình ứng phó với biến đổi khí hậu tăng 20 tỷ đồng (năm 2013 TW không hỗ trợ).

- Một số Chương trình chưa được TW thông báo (đang chờ nguồn vốn TPCP do kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XIII quyết định): Hỗ trợ vốn đối ứng ODA cho các tỉnh khó khăn; Hỗ trợ đầu tư trị sở xã.

⁷ Trong đó

- Các chương trình giảm vốn mạnh so với kế hoạch 2013 là: Chương trình nước sạch giảm 7.086 tỷ đồng; Chương trình văn hóa giảm 4.360 tỷ đồng.

- Các chương trình tăng vốn so với kế hoạch 2013 là: Chương trình giảm nghèo tăng 1.572 tỷ đồng; Chương trình việc làm dạy nghề 2 tỷ đồng (năm 2013 TW không bố trí);

- Một số chương trình chưa được bố trí vốn: Xây dựng nông thôn mới, Đưa thông tin về cơ sở, Giáo dục - Đào tạo, Y tế.

Danh mục và mức vốn bố trí nguồn NSNN cho từng dự án sử dụng vốn TW đã được UBND tỉnh trình TW tại Văn bản số 2876/UBND-TH ngày 05/9/2013 và thống nhất với Bộ KH&ĐT trước khi trình UBND tỉnh xem xét, báo cáo Bộ KH&ĐT và Bộ Tài chính theo đúng quy định. Sau khi có Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng Bộ KH&ĐT giao vốn cho từng chương trình, dự án cụ thể; UBND tỉnh sẽ trình Thường trực HĐND tỉnh trước khi ban hành Quyết định phân bổ vốn và sẽ báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

3. Danh mục các công trình trọng điểm năm 2014:

Tất cả các công trình trọng điểm của tỉnh hiện nay đều sử dụng nguồn vốn NSNN và TPCP do Trung ương hỗ trợ. Kế hoạch năm 2014, chủ trương của Trung ương là ưu tiên nguồn vốn cho các công trình hoàn thành và chuyển tiếp, hạn chế tối đa khởi công mới nên tỉnh sẽ tiếp tục tranh thủ sự hỗ trợ, giúp đỡ của Trung ương để huy động nguồn vốn đầu tư, tập trung chỉ đạo để sớm hoàn thành một số công trình trong nhóm các công trình trọng điểm đang triển khai thực hiện sau đây:

- Dự án Quảng trường và Nhà văn hóa trung tâm tỉnh;
- Dự án Bảo tồn, tôn tạo di tích Thành Cổ Quảng Trị giai đoạn 2 (bao gồm tiểu dự án nhóm 4: Nâng cấp Đài tưởng niệm trung tâm);
- Dự án Cầu sông Hiếu và đường 2 đầu cầu;
- Dự án Đường cơ động ven biển Hải An - Hải Khê;
- Dự án Kè chống xói lở bảo vệ đảo Cồn Cỏ kết hợp phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng an ninh;
- Dự án Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Trị.

II. Nguồn vốn đầu tư trong cân đối (XDCB tập trung):

1. Về tình hình các khoản nợ vay và tạm ứng của tỉnh:

1.1. Các khoản tạm ứng của Ngân hàng phát triển và KBNN TƯ

1.1.1. Vay tín dụng ưu đãi tại Ngân hàng phát triển: 302,160 tỷ đồng
 + Vay theo Nghị quyết 02/NQ-CP của Chính phủ: 150,000 tỷ đồng
 (Trong đó: Đợt 1: 130 tỷ đồng, Đợt 2: 20 tỷ đồng; Nhưng tính đến ngày 31/11/2013 mới chỉ được thông báo số vốn 80/150 tỷ đồng).

+ Vay KCHKM và GTNT: 152,160 tỷ đồng

1.1.2. Tạm ứng vốn nhân rồi tại Kho bạc Nhà nước: 150,000 tỷ đồng

Cộng: 452,160 tỷ đồng

1.2. Các khoản tạm ứng từ ngân sách tỉnh: 39,42 tỷ đồng.

Tổng cộng các khoản nợ là (1.1)+(1.2): 491,58 tỷ đồng

2. Nhu cầu trả nợ các khoản vay, tạm ứng năm 2014

2.1. Vay tín dụng ưu đãi tại Ngân hàng phát triển: 49,500 tỷ đồng,

Trong đó:

- Ngân sách tỉnh trả 43,5 tỷ đồng, bao gồm:
 - + *Trả khoản vay KCH KM và GTNT: 31 tỷ đồng;*
 - + *Trả khoản vay theo NQ 02 theo lộ trình cam kết 12,5 tỷ đồng;*
- Ngân sách huyện trả vay KCH KM và GTNT: 6 tỷ đồng;

2.2. Tạm ứng vốn Kho bạc Nhà nước: 130,000 tỷ đồng⁸

(Tổng số vốn tạm ứng 150 tỷ đồng, đã bố trí trả nợ 20 tỷ đồng và đã được Bộ Tài chính đồng ý cho gia hạn đến 21/12/2014 tại Công văn số 14328/BTC-KBNN ngày 23/10/2013)

2.3. Tạm ứng ngân sách tỉnh: 39,420 tỷ đồng

(Trong đó có 7 tỷ đồng tạm ứng cho Cầu sông Hiếu sẽ được trả lại NS từ khoản 50 tỷ đồng đã được TW dự kiến hỗ trợ trong KH năm 2014 nguồn NQ39)

2.4. Khoản thu hồi do bố trí không đúng

Nghị quyết 11/NQ-CP của Chính phủ: 24,705 tỷ đồng

2.5. Phí tạm ứng KBNN dự kiến đến 31/12/2014 là: 5,448 tỷ đồng

(UBND tỉnh đã chi đạo việc trả phí tạm ứng KBNN tại Công văn số 3935/UBND-CN ngày 20/11/2013)

Tổng cộng: 249,073 tỷ đồng

* Ngoài ra, ngân sách tỉnh còn nợ khoản đối ứng từ ngân sách địa phương cho các công trình sử dụng vốn đầu tư từ NSTW theo Quyết định số 60/2010/QĐ-TTg ngày 30/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ là 579,929 tỷ đồng.

3. Quan điểm vay nợ và xử lý nợ

3.1. Trong điều kiện khó khăn của một tỉnh nghèo, việc vay nợ hoặc tạm ứng từ NSNN theo chủ trương của Chính phủ là rất cần thiết để đầu tư phát triển KT-XH của tỉnh.

3.2. Đối với các khoản vay hoặc tạm ứng từ NSNN mà tỉnh đã thực hiện trong những năm qua, UBND tỉnh đều báo cáo và đã được Thường trực HĐND tỉnh thông nhất về chủ trương.

3.3. Tất cả các khoản nợ, vay, tạm ứng đều phải được quan tâm xử lý bằng nhiều hình thức khác nhau như: trả dần vào ngân sách địa phương, xin khất nợ, khoan nợ, xin chuyển sang hình thức vay không lãi suất hoặc xin TW cho chuyển từ vay sang cấp phát....

3.4. UBND tỉnh sẽ trình HĐND quyết định hình thức, lộ trình xử lý cụ thể đối với từng khoản nợ (trừ những khoản vay đã có lộ trình trả nợ theo cam kết).

3.5. Trong điều kiện ngân sách tỉnh gặp rất nhiều khó khăn, có nhiều khoản nợ vay, nợ tạm ứng phải trả, UBND tỉnh xin đề nghị việc xử lý như sau:

⁸ Bố trí trả nợ tại QĐ số 2255/QĐ-UBND ngày 12/11/2013 của UBND tỉnh cho các DA: Cầu An Mỏ; Cầu Cam Hiếu; Đường tránh lũ, cứu hộ và phát triển kinh tế phía Tây huyện Triệu Phong và phía Nam huyện Cam Lộ và Kê xói lở khẩn cấp, chỉnh trị dòng chảy, đập dâng tích nước thôn Thượng Lâm, tuyến đường ứng cứu ổn định dân cư phát triển kinh tế hai bờ sông huyện Cam Lộ (gđ1).

- Một là, cấp quản lý ngân sách nào làm chủ đầu tư, có sử dụng nguồn vốn vay hoặc có dự án bị TW thu hồi vốn thì cấp đó có trách nhiệm cân đối để trả nợ.

- Hai là, ưu tiên trả nợ cho các khoản nợ có tính cấp bách, có lộ trình trả nợ rõ ràng (vay tín dụng ưu đãi tại NHPT) hoặc có văn bản yêu cầu thu hồi về NSTW của Bộ Tài chính.

- Ba là, khoanh nợ hoặc xử lý từng bước đối với các khoản tạm ứng từ ngân sách.

4. Dự kiến cân đối nguồn ngân sách cân đối kế hoạch năm 2014:

4.1. Dự kiến nguồn vốn

Theo văn bản số 8568/BKHĐT-TH ngày 29/10/2013 của Bộ KH&ĐT về việc thông báo dự kiến kế hoạch đầu tư nguồn NSNN năm 2014; căn cứ tình hình thực tiễn nhu cầu chi đầu tư phát triển của địa phương; dự kiến Nguồn vốn ngân sách cân đối năm 2014 như sau:

TT	Nguồn vốn đầu tư trong cân đối do địa phương quản lý (tỷ đồng)					KH 2014/ ước TH 2013 (%)
	Đầu tư trong cân đối	Năm 2013		Dự kiến 2014		
		TW giao	Tỉnh giao	TW giao	Tỉnh giao	
	Tổng số	283,9	352,9	323,9	367,9	104,25
1	Đầu tư trong cân đối theo tiêu chí	182,9	182,9	182,9	182,9	100
2	Hỗ trợ doanh nghiệp công ích	1,0	1,0	1,0	1,0	100
3	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất, trong đó:	100,0	154,0	140,0	154	100
	- Tỉnh quản lý		103,7		90,7	87,46
	- Cấp huyện quản lý		50,3		63,3	125,84
4	Xô số kiến thiết		15		30	200

4.2. Định hướng đầu tư, nguyên tắc về bố trí vốn kế hoạch năm 2014

4.2.1. Về nguyên tắc bố trí vốn:

4.2.1.1. Đối với vốn do tỉnh quản lý (60%):

Một là, phân bổ vốn cho các lĩnh vực theo quy định tại Nghị quyết số 19/2010/NQ-HĐND của HĐND tỉnh, trong đó:

- Bố trí vốn quyết toán cho các công trình đã hoàn thành và được UBND tỉnh phê duyệt quyết toán.

- Bố trí vốn chuẩn bị đầu tư các công trình, dự án đã có chủ trương đầu tư.

- Phân bổ cho các lĩnh vực: Nông nghiệp, Hạ tầng chợ, Giao thông, Công cộng, Giáo dục - Đào tạo, Y tế xã hội, Văn hóa - Thể thao, Khoa học - Công nghệ, Quản lý nhà nước, Quốc phòng, An ninh.

- Hỗ trợ thực hiện một số chính sách địa phương theo các Nghị quyết của HĐND tỉnh và Quyết định của UBND tỉnh^{*}.

- Dành một phần nguồn vốn để bố trí hỗ trợ thực hiện Đề án giảm nghèo bền vững đối với các xã, thôn, bản vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị có tỷ lệ hộ nghèo cao theo Nghị quyết 06/2012/NQ-HĐND ngày 13/4/2012 của HĐND tỉnh.

Hai là, việc bố trí vốn cho các công trình, dự án thuộc kế hoạch năm 2014 phải thực hiện theo đúng các quy định tại Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý đầu tư từ NSNN và TPCP; Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 25/6/2013 về xây dựng kế hoạch phát triển KT-XH và dự toán NSNN năm 2014; Chỉ thị số 27/CT-TTg và Chỉ thị số 14/CT-TTg về tăng cường quản lý đầu tư và xử lý nợ đọng XDCB từ nguồn NSNN, TPCP. Cụ thể là:

- Ưu tiên bố trí vốn trả nợ khối lượng thực hiện các dự án có phát sinh nợ đọng XDCB đến thời điểm 31/12/2012 nhưng kế hoạch năm 2013 không bố trí trả nợ hay chỉ trả nợ một phần; Các dự án hoàn thành trước ngày 31/12/2013 thuộc nhiệm vụ đầu tư từ NSNN nhưng chưa được bố trí đủ vốn;

- Ưu tiên bố trí vốn cho các dự án dự kiến hoàn thành năm 2014;

- Tập trung thực hiện các dự án chuyển tiếp theo tiến độ; bảo đảm nhóm C hoàn thành trong 3 năm, nhóm B hoàn thành trong 5 năm.

- Hạn chế tối đa khởi công mới. Chỉ cho phép khởi công mới một số dự án cấp bách sau khi đã: (1) Bố trí đủ vốn để xử lý nợ đọng đến 31/12/2012 theo kế hoạch như chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị 27/CT-TTg ngày 10/10/2012; (2) Thanh toán cho các dự án hoàn thành và bảo đảm vốn cho các dự án chuyển tiếp để dự án nhóm B hoàn thành trong 5 năm, dự án nhóm C hoàn thành trong 3 năm. Các dự án khởi công mới phải bảo đảm đủ điều kiện nghiêm ngặt theo quy định tại Chỉ thị số 1792/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

4.2.1.2. Đối với vốn phân cấp cho huyện, thành phố, thị xã quản lý:

UBND các huyện, thành phố, thị xã chịu trách nhiệm bố trí nguồn vốn này theo nguyên tắc:

+ Đầu tư cho các lĩnh vực đã quy định tại Nghị quyết số 19/2010/NQ-HĐND của HĐND tỉnh;

+ Bố trí trả nợ hoặc trả nợ một phần các công trình, dự án có sử dụng nguồn vốn vay hoặc có dự án bị TW thu hồi vốn đầu tư trên địa bàn do cấp huyện làm chủ đầu tư;

^{*} Nghị quyết số 13/2010/NQ-HĐND về xây dựng trường mầm non đạt chuẩn; Nghị quyết số 28/2004/NQ-HĐND về xây dựng trạm y tế xã; Nghị quyết số 05/2009/NQ-HĐND về xây dựng thiết chế văn hóa làng xã và Quyết định số 1275/QĐ-UBND phê duyệt Đề án KCH trường lớp học và nhà công vụ giáo viên.

+ Phân đầu bảo đảm tỷ lệ bố trí cho Giáo dục - Đào tạo, Khoa học - Công nghệ theo quy định; bố trí lồng ghép các nguồn vốn nhằm hỗ trợ thiết thực đầu tư thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới;

+ Thực hiện bố trí vốn và quản lý đầu tư theo quy định của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 1792/CT-TTg và Chỉ thị 27/CT-TTg.

4.2.2. Định hướng phân bổ:

4.2.2.1. Đối với 01 tỷ đồng hỗ trợ doanh nghiệp công ích: Sở Tài chính thống nhất với Sở KH&ĐT trước khi báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ trong dự toán chi ngân sách địa phương năm 2014.

4.2.2.2. Đối với nguồn vốn đầu tư cân đối theo tiêu chí (182,9 tỷ đồng):

- Trả nợ vay kiên cố hóa kênh mương và giao thông nông thôn: 31 tỷ đồng (theo lộ trình trả nợ đã cam kết);

- Hoàn trả các khoản tạm ứng ngân sách tỉnh¹⁰: 3 tỷ đồng;

- Trả nợ vay theo Nghị quyết 02/NQ-CP của Chính phủ (theo khế ước vay đã ký kết): 3,173 tỷ đồng¹¹

- Trả khoản bị Trung ương thu hồi theo Nghị quyết 11 của Chính phủ.¹²

- Số vốn còn lại là 144,962 tỷ đồng (giảm 5,778 tỷ đồng so với năm 2013), dự kiến phân bổ: Tỉnh quản lý 86,977 tỷ đồng (60%), giảm 3,467 tỷ đồng so với năm 2013 và phân cấp huyện, thành phố, thị xã quản lý 57,985 tỷ đồng (40%), giảm 2,311 tỷ đồng so với năm 2013 (Chi tiết ở Biểu số 1).

4.2.2.3. Đối với nguồn vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: Trung ương giao kế hoạch vốn 2014 là 140 tỷ đồng (tăng 40 tỷ đồng so với KII TW giao năm 2013 và bằng 90,9% so với kế hoạch tỉnh giao năm 2013). Để giải quyết khó khăn về nguồn vốn đầu tư trong điều kiện ngân sách hỗ trợ của Trung ương giảm mạnh và phải cân đối trả nợ cho NSTW, tỉnh dự kiến nguồn vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất KH 2014 là 154 tỷ đồng (bằng 75,12% so với ước thực hiện năm 2013). Trong đó dự kiến phân bổ: Cấp tỉnh thực hiện 90,7 tỷ đồng (chiếm 58,9% tổng vốn), trong đó thu tại Đông Hà 82,020 tỷ đồng, nguồn thu và

¹⁰ Xử lý khẩn cấp công trình Đập ngăn mặn Việt Yên và Khu neo đậu tránh trú bão Cửa Tùng 5 tỷ đồng (tại Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 11/10/2012) và thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình thủy lợi Sa Lung là 11.420,6 triệu đồng (tại Quyết định số 1951/QĐ-UBND ngày 19/10/2012) nhưng kế hoạch năm 2013 mới bố trí hoàn ứng được 3 tỷ đồng.

¹¹ Tổng số vốn phải trả trong năm 2014 là 12,5 tỷ đồng. Nguồn vốn đầu tư giải quyết SDD cấp huyện trả 100% số vốn vay do huyện làm chủ đầu tư là 8,806 tỷ đồng; Trung tâm phát triển quy đất trả 521 triệu đồng vốn vay của Dự án Đường vành đai cứu hộ, cứu nạn phía Tây thành phố Đông Hà (gđ1); nguồn vốn ngân sách tập trung chi trả 3,173 tỷ đồng cho 3 dự án Cầu Cam Hiếu và Cầu An Mỹ và Tuyến đường vào xã Vĩnh Lâm, huyện Vĩnh Linh do Sở GTVT làm chủ đầu tư.

¹² Riêng khoản ngân sách bị TW thu hồi trong thực hiện Nghị quyết 11/NQ-CP: 24,705 tỷ đồng, tỉnh đã trả 4,540 tỷ đồng (từ nguồn vốn đầu tư đất đai của tỉnh năm 2013) cho Dự án xây dựng Trường quay và Trung tâm truyền hình kỹ thuật số Đài PT-TH tỉnh bị TW thu hồi vốn (cấp tỉnh làm chủ đầu tư), còn lại là 20,165 tỷ đồng; được bố trí 10,385 tỷ đồng từ nguồn vốn Chương trình bãi ngang để trả cho các DA thuộc CT bãi ngang bị thu hồi vốn năm 2011; số còn lại 9,780 tỷ đồng, NS tỉnh trả 765 triệu đồng cho DA Trạm bơm Đình An, ngân sách huyện, thị xã có dự án bị thu hồi chịu trách nhiệm hoàn trả 9,015 tỷ đồng từ nguồn vốn phân cấp cho huyện quản lý (bao gồm: nguồn thu từ sử dụng đất và vốn NS tỉnh cân đối).

thu từ giao đất cho Doanh nghiệp, KCN, Khu Kinh tế 8,680 tỷ đồng; cấp huyện thực hiện 63,3 tỷ đồng (chiếm 41,1% tổng vốn - Chi tiết ở Biểu số 2).

Trong số vốn do cấp tỉnh thực hiện (90,7 tỷ đồng), sau khi dành 10% phục vụ cho công tác đo vẽ bản đồ địa chính; số còn lại 81,700 tỷ đồng, phân bổ cho các dự án do Trung tâm phát triển quỹ đất làm chủ đầu tư là 50.520 tỷ đồng (chiếm 61,8%); 31,180 tỷ đồng (chiếm 38,2%) bố trí cho các dự án do các cơ quan cấp tỉnh làm chủ đầu tư.

Đối với số vốn do cấp huyện quản lý (63,3 tỷ đồng) cũng thực hiện việc trích 10% phục vụ cho công tác đo vẽ bản đồ địa chính trước khi phân bổ trả nợ, thu hồi về ngân sách TW và bố trí cho các dự án do cấp huyện làm chủ đầu tư.

4.2.2.4. Đối với nguồn vốn đầu tư từ nguồn xó số kiến thiết:

Dự kiến năm 2014 là 30 tỷ đồng, trong đó: đầu tư cho giáo dục - đào tạo 19,5 tỷ đồng (chiếm 65%); đầu tư cho y tế 6 tỷ đồng (20%) và đầu tư cho phúc lợi xã hội 4,5 tỷ đồng (15%).

5. Những khó khăn, bất cập trong quá trình thực hiện việc cân đối:

Quá trình thực hiện việc dự kiến cân đối nguồn ngân sách do tình quản lý, có những khó khăn sau đây:

- Do tình hình kinh tế của đất nước gặp nhiều khó khăn nên các nguồn vốn TW hỗ trợ cho tỉnh năm 2014 giảm mạnh. Trong lúc đó, từ khi thực hiện Nghị quyết 11/NQ-CP ngày 24/02/2011 của Chính phủ đến nay, nhu cầu đầu tư trên nhiều lĩnh vực của tỉnh đang trở nên bức xúc.

- Theo dự kiến của Chính phủ tại Báo cáo số 429/BC-CP ngày 22/10/2013 về việc phân bổ vốn dự toán NSTW năm 2014, Kế hoạch vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương năm 2014 của tỉnh phải dành 65 tỷ đồng cho giáo dục - đào tạo (20% của tổng số vốn 323,9 tỷ đồng, bao gồm cả vốn đầu tư cân đối theo tiêu chí (182,9 tỷ đồng), hỗ trợ doanh nghiệp công ích (1 tỷ đồng) và đầu tư từ nguồn thu đấu giá quyền sử dụng đất (140 tỷ đồng)) và 11 tỷ đồng cho khoa học - công nghệ (3,6%).

Trong lúc đó, việc trích 20% nguồn vốn hỗ trợ doanh nghiệp công ích và đầu tư từ nguồn thu đấu giá quyền sử dụng đất để đầu tư cho giáo dục - đào tạo là rất khó khăn. Vì nguồn thu đấu giá quyền sử dụng đất chỉ ưu tiên tập trung cho đầu tư kết cấu hạ tầng, tạo quỹ đất. Nếu trừ khoản hỗ trợ doanh nghiệp công ích và đầu tư từ nguồn thu đấu giá quyền sử dụng đất ra, chỉ cân đối trên tổng vốn đầu tư cân đối theo tiêu chí thì đầu tư cho cả giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ chiếm 41,52% (76/182,9 tỷ đồng). Trong lúc đó, vốn đầu tư cân đối theo tiêu chí vừa phải trả nợ vay, tạm ứng, thu hồi về NSTW và đầu tư để bảo đảm phát triển cho nhiều lĩnh vực KT-XH khác, nhất là bố trí cho các dự án hoàn thành và chuyển tiếp.

- Trong thời kỳ ổn định ngân sách, kế hoạch vốn cân đối theo tiêu chí được Trung ương phân bổ hàng năm ổn định ở mức 182,9 tỷ đồng. Dự kiến trong kế hoạch năm 2014, sau khi bố trí trả nợ vay kiên cố hóa kênh mương và giao thông nông thôn, vay theo Nghị quyết 02/NQ-CP, hoàn trả tạm ứng ngân sách

tỉnh... phần còn lại mới chia theo tỷ lệ 60% cho cấp tỉnh quản lý và 40% phân cấp cho các huyện, thành phố, thị xã để đầu tư phát triển các ngành, lĩnh vực. Đây cũng là một áp lực rất lớn cho tỉnh trong quá trình cân đối bố trí nguồn vốn này. Nhiều dự án mặc dù đã có chủ trương đầu tư hoặc ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo tỉnh nhưng chưa thể đưa vào cân đối trong kế hoạch năm 2014 được.

- Theo quy định tại Quyết định số 60/2010/QĐ-TTg ngày 30/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng ngân sách nhà nước giai đoạn 2011-2015, thì tùy theo tính chất của từng nguồn vốn, các dự án được đầu tư thực hiện từ nguồn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu chỉ được Trung ương hỗ trợ một phần (cao nhất là 90%, thấp nhất là 50%), phần còn lại do địa phương tự cân đối bố trí, đối ứng bằng nguồn vốn ngân sách địa phương¹³.

Căn cứ định mức quy định của Thủ tướng Chính phủ thì nhu cầu vốn đối ứng của địa phương đối với các dự án đang được triển khai thực hiện từ nguồn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu giai đoạn 2014 - 2015 là 579,929 tỷ đồng (Biểu số 3). Số vốn này vượt ra ngoài khả năng cân đối của một tỉnh đang gặp rất nhiều khó khăn như tỉnh ta. Và sẽ khó khăn hơn cho tỉnh nếu các cơ quan chức năng của TW tiến hành kiểm toán việc thực hiện Quyết định số 60/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, bởi trong rất nhiều dự án đầu tư, tỉnh không thực hiện đúng phần vốn đối ứng từ ngân sách địa phương như cơ cấu đầu tư đã được phê duyệt.

Trong đó, riêng nhu cầu đối ứng ODA của tỉnh là 22,314 tỷ đồng, nếu địa phương không đảm bảo được nguồn đối ứng 10% theo quy định (2,2314 tỷ đồng) sẽ gặp rất nhiều khó khăn để TW bố trí 90% số vốn đối ứng từ NSTW. Và như vậy, sẽ khó khăn trong việc tiếp nhận để triển khai thực hiện các Dự án ODA đã được các nhà tài trợ cam kết hỗ trợ cho tỉnh.

III. Giải pháp tổ chức thực hiện:

1. Tiếp tục quán triệt và tổ chức thực hiện đúng các nguyên tắc về quản lý và phân cấp đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước:

- Việc xây dựng kế hoạch đầu tư, các chương trình, dự án đầu tư phải bám sát mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2014; định hướng kế hoạch 5 năm 2011-2015, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020 của tỉnh, của các ngành và các huyện, thành phố, thị xã.

- Chuẩn bị đầy đủ và hoàn thành các chương trình, đề án, các dự án đầu tư đã có chủ trương đầu tư để tích cực làm việc với Chính phủ và các Bộ ngành TW nhằm tranh thủ sự hỗ trợ để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng của tỉnh, trước

¹³ Cụ thể: Đối với Chương trình củng cố nâng cấp hệ thống đê biển; Chương trình phát triển giống cây nông, lâm nghiệp; Chương trình trồng cây, xây dựng mới các hồ chứa nước ngọt và xây dựng hệ thống thủy lợi trên các đảo có đông dân cư; Chương trình đầu tư hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu; Chương trình Biển Đông - Hải đảo; Hỗ trợ đối ứng các dự án ODA; Hỗ trợ các dự án cấp bách của địa phương theo các quyết định của lãnh đạo Đảng, Nhà nước... thì ngân sách Trung ương hỗ trợ không quá 90% tổng mức đầu tư một dự án. Đối với Chương trình đầu tư các bệnh viện tuyến huyện, tỉnh ngân sách Trung ương hỗ trợ không quá 50% vốn xây lắp, 70% vốn để mua sắm trung thiết bị; Đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp mức hỗ trợ tối đa không quá 5 tỷ đồng/cụm và không quá 50 tỷ đồng cho một tỉnh; Chương trình đầu tư khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền ngân sách Trung ương chỉ hỗ trợ tối đa 80 tỷ đồng/công trình...

mặt ngành Giao thông - Vận tải, các ngành liên quan phối hợp với các cơ quan chuyên môn Bộ GT-VT để sớm được triển khai dự án tuyến đường tránh giảm tải giao thông QL1A, hạng mục cầu Thành Cổ và đường dẫn vào hai đầu cầu.

- Tiếp tục tiến hành sắp xếp, rà soát lại quy mô, các hạng mục, tiến độ thực hiện, nguồn vốn bố trí đối với các dự án để đảm bảo cân đối được nguồn vốn thực hiện trong thời gian quy định theo đúng Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

- Quản lý chặt chẽ vốn đầu tư của các dự án, thông báo vốn đến từng hạng mục công trình, từng gói thầu; ưu tiên bố trí vốn cho các hạng mục đã hoàn thành, các hạng mục chuyển tiếp; không bố trí vốn cho các hạng mục mới khi các hạng mục chuyển tiếp chưa bố trí đủ vốn. Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo tiến độ thực hiện kế hoạch đầu tư theo quy định tại Quyết định số 70/QĐ-BKH ngày 18/01/2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Đối với các công trình, dự án đã nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng nhưng các chủ đầu tư không tiến hành quyết toán theo đúng quy định hoặc không thanh toán hoàn vốn tạm ứng ngân sách tính đến ngày 31/10/2013 (có biểu chi tiết kèm theo) thì không bố trí vốn cho các công trình, dự án khởi công mới và không tiếp tục bố trí vốn đối với các công trình chậm thanh toán hoàn trả vốn tạm ứng NSNN trong kế hoạch năm 2014.

- Tăng cường trách nhiệm của các ngành, các cấp trong việc kiểm soát phạm vi, mục tiêu, quy mô đầu tư của từng dự án. Người ký quyết định đầu tư không xác định rõ nguồn vốn và khả năng cân đối được nguồn vốn để thực hiện dự án, phải chịu trách nhiệm về những tổn thất gây ra.

2. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp tổ chức điều hành thực hiện kế hoạch đầu tư từ nguồn vốn Ngân sách do địa phương quản lý năm 2014 của tỉnh:

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân các nguồn vốn đầu tư ngay từ khi được giao kế hoạch.

- Tích cực chỉ đạo các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã và Ban GPMB các địa phương thực hiện tốt công tác GPMB, tập trung ưu tiên vào các dự án, công trình trọng điểm như: QL1A, các dự án đầu tư từ nguồn vốn ODA...; Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác GPMB đến tận người dân; Kiểm tra, xử lý nghiêm những trường hợp cố tình vi phạm, những đối tượng xúi giục, kích động nhân dân làm trái chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thể hiện sự công bằng, nghiêm minh của pháp luật; đồng thời thời khen thưởng, động viên kịp thời những địa phương, đơn vị, tổ chức, cá nhân nỗ lực thực hiện tốt công tác GPMB.

- Các Sở, Ban ngành được phân công làm nhiệm vụ chủ đầu tư phải chủ động thông báo kế hoạch đầu tư của các chương trình, dự án trong kế hoạch năm 2014 của tỉnh cho UBND các huyện, thành phố, thị xã và UBND các xã, phường, thị trấn - nơi triển khai dự án. UBND các huyện, thành phố, thị xã kiện toàn và nâng cao năng lực của bộ phận quản lý, theo dõi và tổng hợp các nguồn

vốn đầu tư phát triển; tổ chức lồng ghép các nguồn vốn đầu tư để sử dụng vốn có hiệu quả, khắc phục tình trạng đầu tư chồng chéo, gây lãng phí vốn đầu tư.

- Tăng cường năng lực quản lý dự án của chủ đầu tư. Khẩn trương củng cố, kiện toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động của các Ban quản lý dự án.

- Thực hiện nghiêm túc quy định tại Nghị quyết số 23/2012/NQ-HĐND tỉnh ngày 19/12/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh: Đối với các công trình, dự án triển khai trên phạm vi địa bàn nhiều huyện, thành phố, thị xã (gọi tắt là liên huyện), thì giao các Sở, Ngành cấp tỉnh làm chủ đầu tư. Đối với các dự án nằm trên địa bàn của một huyện, thành phố, thị xã thì giao UBND các huyện, thành phố, thị xã đó làm chủ đầu tư (trừ các dự án có quy mô lớn, tính chất phức tạp và yêu cầu kỹ thuật cao).

- Nâng cao năng lực thẩm định dự án, thẩm định thiết kế cơ sở, quyết toán công trình, cấp phát vốn đầu tư, giải phóng mặt bằng của các cơ quan quản lý nhà nước. Kiểm tra chặt chẽ tiến độ thực hiện dự án của các nhà thầu, của các đơn vị tư vấn. Duy trì thường xuyên giao ban XDCB hàng Quý để đánh giá tiến độ thực hiện khối lượng, giải ngân và xử lý các vướng mắc nảy sinh trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

- Các dự án đã được quyết định đầu tư phải thực hiện đầu tư đúng theo mức vốn kế hoạch đã được giao, nghiêm cấm việc thực hiện vượt quá mức kế hoạch vốn được giao, gây nợ đọng XDCB. Trường hợp thật sự cần thiết phải bổ sung thêm vốn, hoặc phải điều chuyển vốn trong nội bộ ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý thì phải báo cáo cấp có thẩm quyền giao kế hoạch vốn xem xét quyết định.

- Tiếp tục thực hiện điều chuyển vốn kế hoạch thuộc thẩm quyền của tỉnh đối với các dự án đến hết ngày 30/9/2014 giải ngân dưới 60% vốn kế hoạch; các dự án đến hết ngày 30/11/2014 giải ngân dưới 85% vốn kế hoạch.

- Chủ đầu tư không có văn bản báo cáo, đề nghị cấp có thẩm quyền điều chỉnh kế hoạch vốn theo quy định và đến 31/12/2014 không giải ngân hết số vốn kế hoạch đã bố trí thì phải chịu trách nhiệm trước HĐND và UBND tỉnh.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, thực hiện công khai các quy trình, thủ tục liên quan đến công tác đầu tư. Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong phòng ngừa và đấu tranh phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra và giám sát đầu tư. Tổ chức tốt công tác giám sát của cộng đồng đối với các hoạt động đầu tư và xây dựng theo đúng quy định.

- Các cấp ngân sách phải chủ động bố trí vốn và thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư, đảm bảo các điều kiện để được bố trí kế hoạch vốn thực hiện dự án theo đúng quy định hiện hành.

3. Có cơ chế, chính sách khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để các Trung tâm phát triển Quỹ đất tổ chức triển khai thực hiện tốt việc khai thác quỹ đất, tăng nguồn thu từ đầu giá quyền sử dụng đất. Đối với nguồn vượt thu ngoài kế hoạch được giao từ nguồn vốn đầu giá quyền sử dụng đất trong năm 2014: Bố trí 70% cho Trung tâm Phát triển quỹ đất đầu tư các dự án tạo nguồn quỹ

đất; 30% đầu tư cho các công trình do cấp tỉnh làm chủ đầu tư (danh mục đầu tư do UBND tỉnh thống nhất với Thường trực HĐND tỉnh quyết định).

IV. Kiến nghị, đề xuất:

1. Để giải quyết căng thẳng trong cân đối nguồn vốn địa phương quản lý năm 2013, nhất là nguồn vốn đầu tư xây dựng trụ sở làm việc của các cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh, kính đề nghị Thường trực HĐND tỉnh thống nhất phương án tiếp tục bố trí một phần vốn từ nguồn đấu giá quyền sử dụng đất năm 2014 để đầu tư hoàn thành một số trụ sở cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh. Cụ thể, bố trí 16 tỷ đồng cho các công trình sau đây: (1) Mở rộng khuôn viên và đầu tư một số hạng mục thuộc công trình Trụ sở Tỉnh ủy Quảng Trị giai đoạn 2: 3,5 tỷ đồng; (2) Trụ sở Sở Nội vụ: 3 tỷ đồng; (3) Trụ sở HĐND tỉnh: 7 tỷ đồng; (4) Trụ sở tiếp công dân tỉnh Quảng Trị: 2,5 tỷ đồng.

2. Kính đề nghị HĐND tỉnh bố trí một phần từ nguồn vốn ngân sách tỉnh cho đầu tư phát triển theo đúng quy định tại Điều 24, Nghị định số 60/2003/NĐ-CP của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật NSNN để giảm áp lực trong cân đối ngân sách XDCB tập trung; đặc biệt là nhu cầu vốn đối ứng theo quy định tại Quyết định số 60/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (579,929 tỷ đồng), trước mắt là khoản đối ứng cho các dự án ODA do tỉnh làm chủ đầu tư 22,314 tỷ đồng và các dự án đã có chủ trương và ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo tỉnh.

3. Kính đề nghị HĐND tỉnh chưa ban hành thêm các Nghị quyết liên quan đến việc sử dụng ngân sách địa phương trong giai đoạn 2014-2015; Đồng thời cho tiến hành rà soát lại các đề án, các chính sách địa phương đã ban hành theo hướng giảm dần cơ chế bao cấp để có nguồn vốn chi cho đầu tư phát triển.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phân bổ vốn đầu tư XDCB năm 2013 và Kế hoạch sử dụng nguồn vốn ngân sách do tỉnh quản lý năm 2014, UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh./. *One*

Nơi nhận:

- Bộ KH&ĐT(b/c);
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, Ngành cấp tỉnh;
- Các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Cường



Biểu số 1
TỔNG HỢP CÁC NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
THUỘC NSNN KẾ HOẠCH NĂM 2014 DO TỈNH QUẢN LÝ

ĐVT: Triệu đồng

TT	Các nguồn vốn đầu tư	Kế hoạch năm 2013 Tỉnh giao	Kế hoạch năm 2014	Số sánh KH 2014/ KH 2013 (%)	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	312.900	367.900	117,58	
I	ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI	297.900	337.900	113,43	
1	Đầu tư trong cân đối theo tiêu chí	182.900	182.900	100,00	
-	Chi trả vốn vay kiên cố hóa KM và GTNT	29.160	31.000	106,31	
-	Chi hoàn trả các khoản tạm ứng ngân sách	3.000	3.000		Hoàn trả tạm ứng năm 2012 của các công trình: Nạo vét khẩn cấp luồng dẫn tàu thuyền vào khu neo đậu tránh trú bão Cửa Tùng, Nâng cấp cải tạo cụm công trình ngăn mặn Việt Yên - Vĩnh Phước, Hỗ trợ GPMB và TĐC công trình thủy lợi Sa Lung
-	Chi hoàn trả vay theo Nghị quyết 02		3.173		Quý đất cấp huyện trả 100% số vốn vay phải trả trong năm 2014 (8.806 tỷ đồng); Trung tâm quỹ đất tỉnh trả 521 triệu đồng vốn vay của dự án Đường vành đai cứu hộ, cứu nạn phía tây thành phố Đông Hà (gd1); NSTT trả 3,173 tỷ cho 03 dự án Cầu Cam Hiếu, Cầu An Mô và Tuyến đường vào xã Vĩnh Lâm, huyện Vĩnh Linh.
-	Chi hoàn trả vốn bị TW thu hồi		765		Tổng vốn bị thu hồi về NSTW là 24,705 tỷ; tỉnh đã trả 4,54 tỷ (từ nguồn quỹ đất năm 2013); còn lại 20,165 tỷ đồng dự kiến trích 10,385 từ nguồn vốn TW hỗ trợ các xã bãi ngang năm 2014 để trả, số còn lại là 9,015 tỷ đồng được trả bằng nguồn đầu giá quyền sử dụng đất của cấp huyện (chi tiết theo biểu số 3), Ngân sách tỉnh trả 765 triệu đồng cho 01 dự án Trạm bơm Bình An
-	Đầu tư trong năm 2014	150.740	144.962	96,17	100%
	Trong đó:				
	+ Tỉnh quản lý	90.444	86.977	96,17	60%
	+ Phân cấp huyện, thành phố, thị xã quản lý	60.296	57.985	96,17	40%
2	Hỗ trợ doanh nghiệp công ích	1.000	1.000	100,00	
3	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	114.000	154.000	135,09	
	Trong đó:				
	+ Tỉnh quản lý	63.700	90.700	142,39	Chi tiết tại biểu số 2
	+ Phân cấp huyện quản lý	50.300	63.300	125,84	Chi tiết tại biểu số 3
II	XÓ SỔ KIẾN THIẾT	15.000	30.000	200,00	Phân bổ cho các lĩnh vực: GD-ĐT, Y tế, Phục lợi xã hội; lồng ghép thực hiện mục tiêu XD NTM và thực hiện các ĐA của HĐND tỉnh

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THUỘC NSNN NĂM 2014

Nguồn vốn phân cấp đầu tư trong cân đối và hỗ trợ các huyện, thành phố, thị xã quản lý

DVT: Triệu đồng

ĐVT: Triệu đồng											
TT	Huyện, thành phố, thị xã	Tổng số	Trong đó				Trong đó				Ghi chú
			Vốn từ thu tiền sử dụng đất (6)	Vốn từ thu tiền sử dụng đất	Trả nợ	Vốn ngân sách tỉnh cân đối và hỗ trợ (1)	Vốn phân bổ theo tiêu chí (2)	Thu hồi vốn vay kiến cơ hóa KMI và GTNT (3)	Xây dựng thiết chế văn hóa làng xã (4)	Xây dựng trường mẫu non đạt chuẩn (5)	
1	2	3=4+7	4=5+6	5	6	7=8+9+10+11	8	9	10	11	12
	Tổng số	119.584	63.300	45.479	17.821	56.284	57.985	6.000	1.700	2.600	
1	Thành phố Đồng Hà	28.206	18.083	18.083		10.123	9.624		200	300	
2	Thị xã Quảng Trị	11.879	8.129	1.808	6.321	3.750	4.050	600	100	200	
3	Huyện Hải Lăng	10.676	5.562	4.521	1.041	5.114	6.114	1.500	200	300	
4	Huyện Triệu Phong	17.197	11.702	9.946	1.756	5.495	6.195	1.200	200	300	
5	Huyện Gio Linh	8.892	2.658	1.808	850	6.234	6.334	600	200	300	
6	Huyện Vĩnh Linh	14.546	8.504	4.521	3.983	6.042	7.042	1.500	200	300	
7	Huyện Cam Lộ	9.835	5.678	1.808	3.870	4.157	3.657		200	300	
8	Huyện Đakrông	7.290	452	452		6.838	6.338		200	300	
9	Huyện Hướng Hóa	11.063	2.532	2.532		8.531	8.631	600	200	300	
10	Huyện đảo Cồn Cỏ										
Bổ trí từ nguồn vốn Trung ương hỗ trợ cơ mục tiêu hạ tầng đơn vị hành chính mới chia tách và Biến Động - hai đơn vị											

Ghi chú:

Bổ từ nguồn vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu hạ tầng đom vị hành chính mới chia tách và Biên Dạng - hai đầu

- Các huyện, thành phố, thị xã hỗ trợ tối thiểu 20% vốn Ngân sách tỉnh cân đối phân cấp để đầu tư cho lĩnh vực giao dục - đào tạo theo Nghị quyết của Quốc hội, lồng ghép các nguồn vốn để bảo đảm tỷ lệ hỗ trợ xây dựng hoàn thiện chi nông thôn mới 30%; Tập trung hỗ trợ xây dựng XDCB trước ngày 31/12/2012 và trả nợ khối lượng các công trình đã hoàn thành trước 31/12/2013; các dự án cơ sở hạ tầng hoàn thành trong năm 2014; các dự án chuyển tiếp khác để hoàn thành đảm bảo thời gian quy định; số vốn còn lại (nếu có) mới bổ trợ khối công mới các công trình nhưng phải có Quyết định phê duyệt dự án trước ngày 31/10/2013; Chủ động cân đối bổ trợ từ ngân sách dự án ODA do địa phương làm chủ đầu tư được quy định tại Khoản 4.2, Mục 4, Phần I Nghị quyết số 19/2010/NQ-HĐND
- Vốn phân bổ theo tiêu chí thực hiện theo Nghị quyết số 19/2010/NQ-HĐND ngày 10/12/2010 của HĐND tỉnh về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2011-2015.
- (3) Thu hồi vốn vay kiến cơ hóa kênh mương và giao thông nông thôn
- (4) Ngân sách của tỉnh hỗ trợ các huyện, thành phố, thị xã xây dựng thiết chế văn hóa làng xã theo Nghị quyết 04 và Nghị quyết 05 của HĐND tỉnh (ngoài nguồn phân cấp)
- (5) Ngân sách của tỉnh hỗ trợ các huyện, thành phố, thị xã xây dựng trường mầm non đạt chuẩn theo Nghị quyết 13 của HĐND tỉnh (ngoài nguồn phân cấp)
- (6) Bao gồm 10% chi phí đo, vẽ bản đồ địa chính...

TỔNG HỢP NHU CẦU VỐN ĐỐI ỨNG ĐỊA PHƯƠNG CỦA CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU ĐANG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Đơn vị: Triệu đồng

					Đơn vị: Triệu đồng			
TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Nhu cầu vốn đối ứng của địa phương
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG CỘNG					10.006.334	3.965.226	579.929
1	Các dự án cấp bách khác của địa phương theo các QĐ của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước					1.494.254	1.194.909	299.346
-	Đường Phú Lệ, huyện Hải Lăng	Hải Lăng	5,946 Km	11-14.	1225/QĐ-UBND 27/6/2008	59.289	53.360	5.929
-	Đường Lê Lợi kéo dài	Đông Hà	783m	10-14.	1693/QĐ-UB 29/7/2005	52.277	47.049	5.228
-	Quảng trường và nhà văn hóa trung tâm tỉnh	Đông Hà	10546 m2	09-13	2241/QĐ-UBND 29/10/07 2379/QĐ-UBND 20/11/09 1217u/QĐ-UBND 27/6/11	210.000	189.000	21.000
-	Đường Trần Nguyên Hân	Đông Hà	1,7 km	10-14.	2462/QĐ-UBND 27/11/09	143.671	129.304	14.367
-	Cầu sông Hiếu và đường 2 đầu cầu	Đông Hà	5,94 km	11-15.	896/QĐ-UBND 26/5/2010	588.800	380.000	208.800
-	Đường cơ động ven biển Hải An - Hải Khê	Hải Lăng	12,18 km	11-15.	949/QĐ-UBND 02/06/2010	128.496	115.646	12.850
-	Bảo tồn, tôn tạo di tích Thành Cổ Quảng Trị giai đoạn 2 (bao gồm tiêu dự án nhóm 4: Nâng cấp Đài tưởng niệm trung tâm)	Thị xã Q.Trị	25ha	10-14.	1097/QĐ-UBND 8/6/09	244.000	219.600	24.400
-	Đường vào đài tưởng niệm các anh hùng Liệt sỹ bờ Bắc sông Thạch Hãn	Thị xã Q.Trị	2,7 km	11-15.	869/QĐ-UBND 11/5/2011	67.721	60.949	6.772
2	Hỗ trợ đầu tư các tỉnh, huyện mới chia tách					38.998	34.100	4.898
-	Xây dựng hạ tầng khu dân cư số 1	Cồn Cỏ	10 hộ dân	13-15.	2074/QĐ-UBND 31/10/2012	12.000	10.800	1.200
-	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng thị trấn Cửa Tùng, huyện Vĩnh Linh	Vĩnh Linh	3578m	13-15.	4149/QĐ-UBND 31/10/2012	4.998	3.500	1.498
-	Đường từ Khu 4 Thạch đến trụ sở UBND thị trấn Cửa Tùng	Vĩnh Linh		13-15.		10.000	9.000	1.000
-	Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND thị trấn Cửa Tùng	Vĩnh Linh		13-15.		12.000	10.800	1.200
3	Hỗ trợ đầu tư trụ sở xã					24.758	12.378	12.380
-	Trụ sở UBND xã Tà Rụt	Đakrông	250 m2	11-13.	1599/QĐ-UBND 27/9/11	2.662	1.331	1.331
-	Trụ sở UBND xã Hướng Sơn	Hướng Hóa	373 m2	11-13.	571/QĐ-UBND 6/4/11	2.682	1.341	1.341
-	Trụ sở UBND xã Cam Thành	Cam Lộ	516 m2	11-13.	2323/QĐ-UBND 31/8/11	2.882	1.441	1.441
-	Trụ sở xã Vĩnh Tân	Vĩnh Linh	315 m2	11-13.	3385/QĐ-UBND 31/12/2010	2.515	1.257	1.258

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-H1	Quyết định đầu tư			Nhu cầu vốn đối ứng của địa phương
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	
-	Trụ sở UBND xã Vĩnh Trường	Gio Linh	420 m2	11-13.	1282/QĐ-UBND ngày 9/5/11	2.300	1.150	1.150
-	Trụ sở UBND xã Hải Quế	Hải Lăng	500 m2	11-13	2881/QĐ-UBND 27/9/11	3.500	1.750	1.750
-	Trụ sở UBND xã Hải Lệ	Thị xã Q.Tr	762 m2	12-14.	398/QĐ-UBND 13/7/2011	3.247	1.623	1.624
-	Trụ sở UBND - UBND thị trấn Cam Lộ	Cam Lộ	1864,5 m2	12-14.	2686b/QĐ-UBND 20/10/2011	4.970	2.485	2.485
4	Chương trình quản lý, bảo vệ hiện giới đất liền					178.434	160.591	17.843
-	Nâng cấp mặt đường giao thông biên giới từ Sa Trầm xã Ba Nang đi Pa Linh xã A vào	Đakrông	31.897 km	11-15	481/QĐ-UBND 22/3/2011	178.434	160.591	17.843
5	Chương trình khắc phục hậu quả bom mìn					983.810	885.429	98.381
-	Rà phá bom mìn, vật nổ còn sót lại sau chiến tranh tại tỉnh Quảng Trị (đợt 2)	HH, Đak, VL, GL, CL, TP, HL, TP, TXQT	11.633 ha, độ sâu 3m	11-15	1789/QĐ-UBND 20/9/2010	983.810	885.429	98.381
6	Hỗ trợ các trung tâm giáo dục -lao động					96.940	77.552	19.388
-	Trung tâm chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội	Cam Lộ	15,5ha	11-14.	1372/QĐ-UBND 29/7/2010	96.940	77.552	19.388
7	Hỗ trợ đầu tư hạ tầng du lịch					37.122	30.000	7.122
-	Tuyến đường phía Bắc khu Dịch vụ - Du lịch tổng hợp Gio Hải thuộc Khu DV-DL dọc tuyến đường ven biển Cửa Tùng - Cửa Việt (giai đoạn 2)	Gio Linh	5,6Km	12-14.	1746/QĐ-UBND 31/8/2009	37.122	30.000	7.122
8	Chương trình giống cây trồng, vật nuôi, giống thủy sản					21.361	11.021	1.102
-	Mở rộng trại chăn nuôi lợn nái ngoại ông bà Đông Hà thuộc Trung tâm giống cây trồng, vật nuôi Quảng Trị	Đông Hà	400 lợn nái	13-15	1293/QĐ-UBND ngày 05/7/2011; 2019/QĐ-UBND ngày 29/10/2012	21.361	11.021	1.102
9	Chương trình củng cố, nâng cấp hệ thống đê biển và hệ thống đê sông					14.998	13.498	1.500
-	Nâng cấp đê cũ xã Hải Dương thuộc tuyến đê cát huyện Hải Lăng	Hải Lăng		12-13	2017/QĐ-UBND ngày 29/10/2012	14.998	13.498	1.500
10	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền					147.396	135.000	12.396
-	Khu neo đậu tránh trú bão Cửa Việt	Triệu Phong	300 tàu thuyền neo đậu	10-12.	1404/QĐ-UBND 02/8/2010 2698/QĐ-UBND 23/12/09 831/QĐ-UBND 11/5/2012	82.663	80.000	2.663
-	Khu neo đậu tránh trú bão Cửa Tùng	Vĩnh Linh	Cấp III	14-15.		64.733	55.000	9.733

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Nhu cầu vốn đối ứng của địa phương
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	
11	Nâng cấp, xây dựng mới các hồ chứa nước ngọt và xây dựng hệ thống thủy lợi trên các đảo có đông dân cư	—	—	—	—	33.673	30.306	3.367
-	Hệ thống cấp nước tập trung huyện đảo Côn Cỏ	Côn Cỏ	281m3/ ngày đêm	11-13	2267a/QĐ-UBND ngày 31/10/2011	33.673	30.306	3.367
12	Chương trình hỗ trợ dân cư nơi cần thiết	—	—	—	—	100.280	70.950	29.080
-	Dự án đầu tư di dân khẩn cấp ra khỏi vùng lũ ống, lũ quét chiến khu Ba Lòng Huyện Đakrông	Đakrông	50 hộ	2011-2013	2668/QĐ-UBND ngày 15/12/2011	30.352	22.000	8.352
-	Dự án di dân khẩn cấp ra khỏi vùng lũ ống, lũ quét xã Húc Nghi và các xã lân cận huyện Đakrông	Đakrông	—	—	876/QĐ-UBND ngày 21/5/2010	69.928	48.950	20.728
13	Hỗ trợ đầu tư hạ tầng Khu Kinh tế cửa khẩu	—	—	—	—	372.413	335.053	37.360
-	Khu tái định cư cho đồng bào dân tộc di dời thực hiện dự án CSHT cụm cửa khẩu mở rộng	Hướng Hoá	70 hộ	11-14	1551/QĐ-UBND 3/8/2011	49.842	44.900	4.942
-	Xây dựng CSHT Khu tái định cư Lao Bảo Tân Thành (giai đoạn 1)	Hướng Hoá	18.2 ha	13-15	2045/QĐ-UBND ngày 30/10/2012	128.069	115.262	12.807
-	Hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật một số tuyến đường tại Khu kinh tế TMDB Lao Bảo	Hướng Hoá	11 ha	13-15	2046/QĐ-UBND 30/10/2012	96.845	87.000	9.845
-	Kết cấu hạ tầng cụm Cửa khẩu mở rộng (giai đoạn 1)	Hướng Hoá	—	13-15	2047/QĐ-UBND 30/10/2012	97.657	87.891	9.766
14	Hạ tầng khu, cụm công nghiệp	—	—	—	—	250.229	70.000	10.000
-	Hạ tầng Khu công nghiệp Quán Ngang	Quán Ngang	138,9ha	09-14	—	250.229	70.000	10.000
15	Hỗ trợ vốn đối ứng ODA các tỉnh khó khăn	—	—	—	—	6.211.668	904.440	25.766
-	Các dự án do tỉnh làm chủ quản đầu tư	—	—	—	—	5.069.048	781.229	22.314
-	Dự án Cầu Đại Lộc	Triệu Phong, Đông Hà	Cầu: 266,2m; Đường: 1.270m	10-12	1003/QĐ-UBND 02/6/08; 1365/QĐ-UBND 13/7/2011; 941/QĐ-BKH 24/7/12	78.883	38.991	3.817
-	Đường liên xã Cam Chính - Cam Nghĩa (JICA)	Cam Lộ	7.829 m	11-12	72/QĐ-UBND 10/01/2011	28.768	12.768	1.277
-	Dự án HTKT cải thiện năng lực hoạt động ngành cấp nước - Tiểu dự án Quảng Trị	Toàn tỉnh	3 hợp phần cấp nước	41.609	403/TTg-QHQT ngày 18/3/2013	23.433	520	520
-	Đường liên xã Vĩnh Hòa - Thị trấn Cửa Tùng	Vĩnh Linh	10.152 km	13-14	26/QĐ-UBND ngày 10/1/2013	38.147	10.147	700
-	Dự án Đường nối Cầu Đại Lộc với Quốc lộ 1A	Triệu Phong, Đông Hà	2.08 km	13-14	2126/QĐ-UBND ngày 02/11/2012	34.890	4.890	222

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Nhu cầu vốn đối ứng của địa phương
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	
-	Dự án nâng cấp, cải tạo hệ thống lưới điện các xã Cam Thủy - Cam Hiếu - Cam Tuyền, huyện Cam Lộ	Cam Lộ	15km đường dây 0,4Kv, 22km đường dây 22Kv; thay thế 5 TBA	13-14	2018/QĐ-UBND ngày 29/10/2012	19.994	5.562	200
-	Tuyến giao thông liên xã Thạch Kim, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị	Vĩnh Linh	63,7 km	13-15	1795/QĐ-UBND ngày 02/10/2012	400.222	66.495	2.222
-	Dự án Phát triển đô thị hành lang tiểu vùng sông Mê Kông (RETA)	Đ.Hà, H.Hóa		13-17	1358/QĐ-UBND ngày 02/8/2012	2.071.934	224.475	3.389
-	Dự án Nâng cấp cơ sở vật chất ngành y tế tỉnh Quảng Trị	Toàn tỉnh		13-16	2241/QĐ-UBND 28/10/2011	73.707	16.007	222
-	Dự án Cấp nước Đông Hà và vùng Phụ cận	ĐHà, CLộ, GLinh, TPhong	NMN Quảng Trị 30.000 m3/ngày đêm; NMN Tân Lương 15.000 m3/ngày đêm; NMN Quảng Trị 3.500 m3/ngày đêm; NMN Lao Bảo 6.000 m3/ngày đêm	13-17	1962/QĐ-UBND 3/9/2011	922.500	123.000	667
-	Xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn góp phần xóa đói giảm nghèo và ứng phó biến đổi khí hậu huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị	Triệu Phong	Tổng chiều dài các tuyến là 24,8 km	13-14	1748/QĐ-UBND ngày 26/9/2012	175.140	29.190	1.056
-	Dự án HTKT tăng cường khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu ở các thành phố tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng (ADB)	Đông Hà	Tăng cường năng lực, các hoạt động phân nhiệm cho 01 đô thị	2013-2014		23.100	9.450	500
-	Dự án Hỗ trợ sinh kế cho các đô thị hành lang tiểu vùng sông Mê Kông (ADB)	Đông Hà	Xây dựng 01 chợ quy mô nhỏ, hỗ trợ tái chính vi mô	2013-2016		58.321	6.249	278
-	Dự án cấp nước xã Hải Chánh, huyện Hải Lăng (Italia)	Hải Lăng	Xây dựng nhà máy cấp nước công suất 2.000 m3/ngày đêm	2013-2015	497/QĐ-UBND ngày 30/3/2010	20.479	12.101	222
-	Dự án cấp nước xã Vĩnh Hà và xã Vĩnh Long, huyện Vĩnh Linh (Italia)	Vĩnh Linh	Xây dựng nhà máy cấp nước công suất 2.000 m3/ngày đêm	2013-2015	1224/QĐ-UBND ngày 13/7/2010	31.590	21.390	278
Dự án chuyển tiếp								
-	Dự án hỗ trợ tái thiết sau thiên tai tỉnh Quảng Trị	Toàn tỉnh	Toàn tỉnh	11-13	1600/QĐ-TTg ngày 27/8/2010; 546/QĐ-TTg ngày 10/5/2012	156.000	6.000	1.600
-	Dự án Thoát nước, thu gom và xử lý nước thải thành phố Đông Hà	Đông Hà	1 thành phố	11-14	350/QĐ-UBND 03/3/2011	332.553	89.602	2.600
-	Xây dựng và cải tạo hệ thống thoát nước, xử lý nước thải thị xã Quảng Trị	Thị xã QTrị	1 thị xã	12-16	640/QĐ-UBND 8/4/2011	180.558	47.312	2.100
	Dự án Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ tỉnh Quảng Trị (JICA)	HH, GL, HL, TP	04 huyện	2012-2021	319/QĐ-BNN-HTQT ngày 22/02/2012; 1405/QĐ-UBND ngày 08/8/2012	288.069	42.620	111

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Nhu cầu vốn đối ứng của địa phương
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	
-	Dự án tăng cường cơ sở vật chất và năng lực đào tạo dạy nghề cho Trường Trung cấp nghề tỉnh Quảng Trị	Đông Hà	1 trường	11-14	1988/QĐ-UBND 27/9/2011	110.760	14.460	333
b	Các dự án do các Bộ ngành TW làm chủ quản đầu tư					1.142.620	123.211	3.452
-	DA PTNT tổng hợp miền Trung, tỉnh Quảng Trị	Vĩnh Linh, Gio Linh, Cam Lộ, Đakrông, Triệu Phong, Hải Lăng, Đông Hà	7 huyện, thành phố	2008-2013	411/QĐ-BNN-KH ngày 05/03/2012	231.066	38.328	1.089
-	Phát triển du lịch bền vững tiểu vùng sông Mê Kông tỉnh Quảng Trị	Đakrông	1 huyện	2009-2013	2362/QĐ-BVHTTDL, 30/6/2009; 2525/QĐ-UBND ngày 14/12/2012 2785/QĐ-BYT ngày 10/8/2005; 3493/QĐ-BYT ngày 18/9/2006; 589/QĐ-UBND ngày 27/3/2006 1370/QĐ-BNN-HTQT ngày 11/6/2012	39.338	7.545	97
	Dự án Hỗ trợ phát triển hệ thống y tế dự phòng tỉnh Quảng Trị	Toàn tỉnh	Dự án có 04 Hợp phần	2006-2013		14.560	2.160	120
-	Dự án quản lý thiên tai (WB5)	VL, TP, Tx QT	Dự án có 05 Hợp phần	2013-2017		230.000	30.000	222
-	Trung tâm giáo dục thường xuyên huyện Đakrông thuộc Chương trình phát triển giáo dục trung học	Đakrông	Xây dựng 01 nhà học, nhà hiệu bộ, nhà để xe và nhà bảo vệ	2013-2014	2272/QĐ-UBND ngày 21/11/2012	10.176	1.018	102
	Nhà học thực hành Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn thuộc Chương trình phát triển giáo dục trung học	Đông Hà	Nhà 4 tầng, tổng diện tích sàn xây dựng là 3.753 m ²	2013-2015	2630/QĐ-UBND ngày 26/12/2012	24.445	2.445	111
-	Dự án Hành lang bảo tồn đa dạng sinh học tiểu vùng Mê Kông mở rộng-Giai đoạn II	Toàn tỉnh	Dự án bao gồm 04 Hợp phần	2013-2019	2144/QĐ-BTNMT ngày 11/11/2010	201.535	12.215	222
	Chương trình đảm bảo chất lượng giáo dục trường học, tỉnh Quảng Trị	Toàn tỉnh	7 huyện	2011-2015	12/QĐ-BGDĐT ngày 4/01/2010 4439/QĐ-BYT ngày 13/11/2009; 1805/QĐ-UBND ngày 22/9/2010	179.000	14.000	111
-	Hỗ trợ y tế các tỉnh Bắc Trung Bộ, tỉnh Quảng Trị	Toàn tỉnh	Toàn tỉnh	2010-2015		200.000	13.000	278
-	Dự án phòng chống bệnh truyền nhiễm tiểu vùng sông Mê Kông-Giai đoạn II	ĐH, HH, VL, GL	4 huyện, thành phố	2011-2015	1094/QĐ-BYT ngày 15/4/2011	12.500	2.500	1.100



Danh mục dự án nợ khối lượng tại KBNN tỉnh tính đến ngày 31/10/2013

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2013				Giải ngân đến 31/10	KLTH đến 31/10	Nợ khối lượng
			TỔNG SỐ	Trong đó					
				Đầu năm	Bổ sung	Điều chỉnh			
A	NGÂN SÁCH TẬP TRUNG		10.400	7.400	0	3.000	9.056	8.604	452
-	Khu công nghiệp Nam Đông Hà, gồm 2 tiểu dự án		4.400	4.400			3.056	2.809	247
-	Đường vào xã Vĩnh Lâm	Sở GT-VT	3.000	3.000			3.000	2.930	70
-	Mở rộng khuôn viên và đầu tư xây dựng một số hạng mục thuộc công trình Trụ sở Tỉnh ủy Quảng Trị (Giai đoạn 2)	VP Tỉnh ủy	3.000	0		3.000	3.000	2.865	135
B	NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT		43.580	25.280	18.300	0	24.326	15.336	8.990
-	Khu đô thị Nam Đông Hà giai đoạn 3	Trung tâm PTQĐ tỉnh	33.180	14.880	18.300		14.453	11.757	2.696
-	Đường vành đai cứu hộ, cứu nạn phía tây thành phố Đông Hà (gd1)	Trung tâm PTQĐ tỉnh	3.310	3.310			4.525	3.310	1.215
-	Trụ sở tiếp công dân tỉnh Quảng Trị	VP UBND tỉnh	2.740	2.740			2.288		2.288
-	Đường nối quốc lộ 9 đi bản Chênh	BQL khu kinh tế	780	780			47		47
-	CSHT cụm Cửa khẩu mở rộng	BQL khu kinh tế	3.570	3.570			3.013	269	2.744
C	TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU								0
1	Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các vùng		25.450	25.450	-	-	22.026	12.324	9.702
-	Chợ trung tâm huyện Triệu Phong	UBND huyện Triệu Phong	1.000	1.000			1.000	928	72
-	Đường từ thị xã Quảng Trị đến chợ Cạn xã Triệu Sơn huyện Triệu Phong	Sở GT-VT	5.000	5.000			5.000	3.556	1.444
-	Đường vào xã Triệu Tài, huyện Triệu Phong	UBND huyện Triệu Phong	3.500	3.500			3.426	1.033	2.393
-	Doanh trại Ban chỉ huy quân sự huyện Gio Linh	Bộ CHQS tỉnh	4.150	4.150			4.105	4.089	16
-	Đường Khóa Bào	UBND thành phố Đông Hà	1.800	1.800			1.769	1.042	727
-	Đường liên xã Hải Dương - Hải Thành	UBND huyện Hải Lăng	2.500	2.500			1.594	1.194	400
-	Xử lý các nút giao thông nguy hiểm, tạo cảnh quan đô thị thành phố Đông Hà	UBND thành phố Đông Hà	7.500	7.500			5.132	482	4.650
2	Các dự án cấp bách theo theo ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Đảng và Nhà nước		37.000	37.000			28.183	10.632	17.551
-	Quảng trường và nhà văn hóa trung tâm tỉnh	Sở VH-TT&DL	17.000	17.000			16.928	3.855	13.073
-	Đường 2 bên bờ sông Hiếu		0						0
+	Đường Trần Nguyên Hân	UBND thành phố Đông Hà	5.000	5.000			3.477	2.709	768
-	Bảo tồn, tôn tạo di tích Thành Cổ Quảng Trị giai đoạn 2 (bao gồm tiểu dự án nhóm 4: Nâng cấp Đài tưởng niệm trung tâm)	Sở VH-TT&DL	15.000	15.000			7.778	4.068	3.710
3	Hỗ trợ đầu tư các huyện mới chia tách		35.707	33.637	-	2.070	28.765	20.218	8.547
-	Đường thị trấn Cửa Việt đi Gio Hải	UBND thị trấn Cửa Việt	9.870	8.000		1.870	7.156	5.659	1.497
-	Trung tâm y tế huyện đảo Cồn Cỏ	UBND huyện đảo Cồn Cỏ	10.200	10.000		200	8.612	6.062	2.550

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2013				Giải ngân đến 31/10	KLTH đến 31/10	Nợ khối lượng
			TỔNG SỐ	Trong đó					
				Đầu năm	Bổ sung	Điều chỉnh			
-	Bãi rác thị xã Quảng Trị	UBND thị xã Quảng Trị	2.000	2.000			2.000	1.500	500
-	Xây dựng hạ tầng khu dân cư số 1	UBND huyện đảo Cồn Cù	5.500	5.500			4.505	3.241	1.264
-	Đường từ Khu 4 Thạch đến trụ sở UBND thị trấn Cửa Tùng	UBND huyện Vĩnh Linh	4.000	4.000			3.904	2.070	1.834
-	Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND thị trấn Cửa Tùng	UBND huyện Vĩnh Linh	4.137	4.137			2.588	1.686	902
4	Chương trình củng cố, nâng cấp hệ thống đê biển và hệ thống đê sông		38.647	38.647			26.449	22.724	3.725
-	Đê cát huyện Hải Lăng (thạng mục đê tiêu thủy xã Hải Ba)	UBND huyện Hải Lăng	2.575	2.575			1.983	1.560	423
-	Nâng cấp đê tả Thạch Hãn đoạn từ K0 đến K5+801,57	Sở NN-PTNT	15.572	15.572			11.269	10.186	1.083
-	Nâng cấp đê hữu Thạch Hãn (đoạn từ K0 đến K4+300) - ban gồm cả trồng cây chắn sóng	Sở NN-PTNT	15.500	15.500			9.855	8.474	1.381
-	Nâng cấp đê cát xã Hải Dương thuộc tuyến Đê cát huyện Hải Lăng	UBND huyện Hải Lăng	5.000	5.000			3.342	2.504	838
5	Khu neo đậu và tránh trú bão cho tàu thuyền		5.000	5.000			415	9	406
-	Khu neo đậu tránh trú bão Cửa Tùng	Sở NN-PTNT	5.000	5.000			415	9	406
6	Chương trình phát triển hạ tầng nuôi trồng thủy sản		2.485	2.485			2.014	1.635	379
-	Thượng huyện Hải Lăng (giai đoạn 1)	UBND huyện Hải Lăng	2.485	2.485			2.014	1.635	379
7	Nâng cấp, xây dựng mới các hồ chứa nước ngọt và xây dựng hệ thống thủy lợi trên các đảo có đông dân cư		2.170	2.170			1.265	998	267
-	Đầu tư hệ thống hồ chứa nước nhân tạo phục vụ tưới tiêu, kết hợp cấp nước sinh hoạt trên đảo Cồn Cù	Sở NN-PTNT	2.170	2.170			1.265	998	267
8	Phát triển và bảo vệ rừng bền vững		15.002	13.602	0	1.400	6.558	4.375	2.183
-	Dự án bảo vệ phát triển rừng Hương Hòa - Đakrông	BQLRPH Hương Hòa - Đakrông	1.672	1.672			451	138	313
-	Dự án đầu tư bảo vệ và phát triển rừng huyện Hải Lăng	UBND huyện Hải Lăng	1.614	1.614			273	251	22
-	Dự án đầu tư bảo vệ và phát triển rừng lưu vực sông Bến Hải	BQL RPH lưu vực sông Bến Hải	3.153	3.153			1.271	787	484
-	Dự án đầu tư bảo vệ và phát triển rừng khu vực biên giới Đakrông	Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh	1.346	1.346			431	154	277
-	Dự án đầu tư bảo vệ và phát triển rừng Khu bảo tồn thiên nhiên Đakrông	BQL Khu bảo tồn thiên nhiên Đakrông	1.626	1.626			606	185	421
-	Đường lâm nghiệp phục vụ sản xuất vùng nguyên liệu tập trung và phòng chống cháy rừng huyện Cam Lộ (giai đoạn 1)	UBND huyện Cam Lộ	5.501	4.191		1.400	3.526	2.860	666
9	Hỗ trợ hạ tầng du lịch		8.500	8.500			8.263	6.909	1.354

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2013				Giải ngân đến 31/10	KLTH đến 31/10	Nợ khối lượng
			TỔNG SỐ	Trung đó					
				Đầu năm	Bổ sung	Điều chỉnh			
-	Tuyến đường phía Bắc khu Dịch vụ - Du lịch tổng hợp Cùin Hái thuộc Khu DV-DL dọc tuyến đường ven biển Cửa Tùng - Cửa Việt	FT Thông tin XTDL	8.500	8.500			8.263	6.909	1.354
10	Hỗ trợ đầu tư khu công nghiệp		15.000	15.000			15.000	14.151	849
-	Xây dựng hạ tầng KCN Quán Ngang	BQL Khu Kinh tế	15.000	15.000			15.000	14.151	849
11	Hỗ trợ các trung tâm giáo dục, lao động xã hội		18.375	18.375			17.011	12.811	4.200
-	Dự án Trung tâm Chăm bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh Quảng Trị	Sở LĐ-TB&XH	18.375	18.375			17.011	12.811	4.200
12	Các công trình văn hóa tại địa phương có ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Đảng và Nhà nước		2.500	2.500			2.016	1.726	290
-	Thư viện tỉnh Quảng Trị	Thư viện tỉnh	2.500	2.500			2.016	1.726	290
13	Hỗ trợ đầu tư các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện		5.300	6.100		-800	3.719	2.335	1.384
-	Bệnh viện đa khoa huyện Gio Linh	Sở Y Tế	3.600	3.600			2.514	1.212	1.302
-	Trung tâm y tế thị xã Quảng Trị	FT y tế TX Quảng Trị	1.700	2.500		-800	1.205	1.123	82
14	Hỗ trợ đầu tư Khu Kinh tế cửa khẩu		66.000	66.000			41.813	20.407	21.406
-	Khu tái định cư cho đồng bào dân tộc di dời thực hiện dự án CSHT cụm cửa khẩu mở rộng	UBND huyện Hướng Hoá	16.400	16.400			12.000		12.000
-	Xây dựng CSHT Khu tái định cư Lao Bảo Tân Thành (giai đoạn 1)	BQL Khu Kinh tế	23.600	23.600			14.204	8.078	6.126
-	Hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật một số tuyến đường tại Khu kinh tế TMDH Lao Bảo	BQL Khu Kinh tế	16.000	16.000			13.720	11.554	2.166
-	Kết cấu hạ tầng cụm Cửa khẩu mở rộng (giai đoạn 1)	BQL Khu Kinh tế	10.000	10.000			1.889	775	1.114
15	Hỗ trợ đối ứng ODA		21.100	13.180	8.000		12.198	6.190	6.008
-	Hỗ trợ giải phóng mặt bằng xây dựng chợ Ngã Tư Sông thuộc dự án PTNT Tổng hợp miền Trung	UBND huyện Cam Lộ	500	500			187	2	185
-	Dự án Xây dựng và cải tạo hệ thống thoát nước, xử lý nước thải thị xã Quảng Trị	UBND thị xã Quảng Trị	4.000	4.000			3.939	530	3.409
-	Dự án Xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn góp phần xóa đói giảm nghèo và ứng phó biến đổi khí hậu huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị	UBND huyện Triệu Phong	12.100	4.100	8.000		4.100	4.000	100
-	Dự án hợp tác mở rộng cấp nước Đồng Hà và vùng phụ cận	Công ty TNHH MTV CN&XD Quảng Trị	2.000	2.000			1.472	1.210	262
-	Dự án Đường liên xã Vĩnh Hòa - Thị trấn Cửa Tùng	UBND huyện Vĩnh Linh	2.500	2.500			2.500	448	2.052